

Lời mở đầu

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết để đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu cho tương lai cũng như các hạch toán kế toán khác tổ chức kế toán vốn bằng tiền cũng phải hoàn thiện để đảm bảo nhanh, kịp thời, chính xác phục vụ cho chỉ đạo của các nhà quản lý.

Xuất phát từ những nhận thức trên, trong thời gian thực tập tại Công ty CPTMDV&KN Hàng Hải, em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán vốn bằng tiền và chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: “**Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và kỹ nghệ Hàng Hải**”.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, bài khoá luận của em gồm ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về vốn bằng tiền và công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp

Chương 2: Công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải

Chương 3: Một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải.

Trong quá trình nghiên cứu tìm hiểu viết khoá luận này, em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo, phòng tài chính kế toán các phòng ban liên quan trong Công ty cùng với sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo hướng dẫn và các thầy cô trong trường. Mặc dù đã rất cố gắng, nhưng do thời gian thực tập ngắn ngủi và khả năng nghiên cứu của bản thân còn hạn chế nên bài khoá luận của em chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của ban lãnh đạo, các cán bộ phòng kế toán của Công ty cùng các thầy cô giáo để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Vũ Thị Kim Phượng

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về vốn bằng tiền

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của vốn bằng tiền

➤ Khái niệm vốn bằng tiền:

Trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, một doanh nghiệp muốn đứng vững trên thị trường và làm ăn có hiệu quả thì nhất thiết phải có một lượng vốn nhất định. Qua mỗi giai đoạn vận động vốn không ngừng biến đổi cả về hình thái biểu hiện lẫn quy mô.

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là một bộ phận của tài sản lưu động, được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ, nó tồn tại dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

➤ Đặc điểm vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

1.1.2. Phân loại vốn bằng tiền

➤ Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam
- Ngoại tệ
- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý

➤ Nếu phân loại theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

- Tiền tại quỹ: gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng: là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.

- Tiền đang chuyển: là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.3. Vị trí và vai trò của vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

➤ Vị trí:

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần một lượng vốn bằng tiền nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp, dùng nó vào việc mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó vốn bằng tiền có một vị trí rất quan trọng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

➤ Vai trò của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó vốn bằng tiền đóng một vai trò rất quan trọng, đảm bảo cho công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

1.1.4. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

➤ Vai trò của kế toán vốn bằng tiền:

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi

ro hơn các loại tài sản khác, vì vậy nó cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Trong quản lý người ta sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh giám sát thường xuyên liên tục sự biến động của vật tư, tiền vốn, bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các thông tin kinh tế tài chính do kế toán cung cấp giúp cho chủ doanh nghiệp và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh, mặt yếu để có những quyết định và chỉ đạo sao cho quá trình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

➤ ***Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:***

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.
- Giám đốc thường xuyên thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.
- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt.
- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

1.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp

1.2.1. Những quy định chung về hạch toán kế toán vốn bằng tiền

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào Ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên Có các TK 1112, 1122 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

Nhóm Tài khoản Vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các TK doanh thu, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn SXKD, kể cả doanh nghiệp SXKD có hoạt động đầu tư XDCCB) hoặc phản ánh vào TK 413 (Nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCCB - giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên Tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại” (Tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán).

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (Giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán) khi tính

giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho.

Nhóm tài khoản 11 – Vốn bằng tiền, có 3 tài khoản:

- Tài khoản 111 – Tiền mặt;
- Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng;
- Tài khoản 113 – Tiền đang chuyển.

1.2.2. Hạch toán kế toán tiền mặt

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý đá quý ...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

1.2.2.1. Kế toán chi tiết tiền mặt

a. Đối với tiền mặt là tiền Việt Nam

➤ *Các chứng từ, sổ sách sử dụng:*

Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu chi. Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc người có uỷ quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu - chi.

Phiếu thu (hoặc Phiếu chi): Do kế toán lập từ 2 đến 3 liên (đặt giấy than viết một lần hoặc in theo mẫu qui định), sau khi ghi đầy đủ nội dung trên phiếu và ký tên vào phiếu, chuyển cho kế toán trưởng duyệt (*riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị*) một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “đã thu” hoặc “đã chi” và ký tên vào phiếu thu, giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp (hoặc nhận) tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

Trường hợp phiếu thu, phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp, liên gửi ra ngoài doanh nghiệp phải được đóng dấu. Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành từng

quyển và phải ghi số từng quyển dùng trong 1 năm. Trong mỗi phiếu thu(phiếu chi), số của từng phiếu thu(phiếu chi) phải đánh liên tục trong 1 kì kế toán.

Ngoài phiếu thu, phiếu chi là căn cứ chính để hạch toán vào tài khoản 111 còn cần các chứng từ gốc có liên quan khác kèm vào phiếu thu hoặc phiếu chi như: Giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, hoá đơn bán hàng, biên lai thu tiền ...

Kế toán tiền mặt sau khi nhận được phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ gốc do thủ quỹ chuyển đến phải kiểm tra chứng từ và cách ghi chép trên các chứng từ để tiến hành định khoản. Sau đó mới ghi vào “ Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” theo trình tự phát sinh của các khoản thu, chi(nhập, xuất) tiền mặt, tính ra số tồn quỹ vào cuối ngày.

“ Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” dùng cho kế toán tiền mặt được mở theo mẫu số S07a- DN tương tự sổ quỹ tiền mặt, chỉ khác là có thêm cột F “ tài khoản đối ứng” để kế toán định khoản nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bên Nợ, bên Có TK 111- Tiền mặt

Ngoài ra, các sổ sách sử dụng để hạch toán chi tiết tiền mặt còn gồm có: Sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền (đối với hình thức kế toán nhật ký chung) hay các bảng kê chi tiết, sổ chi tiết các tài khoản liên quan,...

➤ *Nguyên tắc hạch toán:*

1. Chi phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

2. Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

3. Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

4. Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

5. Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

b. Đối với tiền mặt là ngoại tệ

➤ *Các quy định chung:*

Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

Bên Có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hoá đặc biệt).

Tiền mặt bằng ngoại tệ ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại” (TK ngoài Bảng Cân đối kế toán).

Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các

khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413- Chênh lệch tỷ giá.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413.

Kết cấu tài khoản 007 - Ngoại tệ các loại

Bên Nợ : Ngoại tệ tăng trong kỳ.

Bên Có : Ngoại tệ giảm trong kỳ.

Dư Nợ : Ngoại tệ hiện có.

Kết cấu tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá.

Bên Nợ : + Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Bên Có : + Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Tài khoản này cuối kỳ có thể dư Có hoặc dư Nợ.

Dư Nợ: Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý.

Dư Có: Chênh lệch tỷ giá còn lại.

➤ *Hạch toán thu đối với ngoại tệ:*

Nhập quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ, kế toán căn cứ vào tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi sang Đồng Việt Nam

➤ *Hạch toán chi đối với ngoại tệ:*

Xuất quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ để thanh toán, chi trả cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nếu có chênh lệch giữa tỷ giá thực tế thu ngoại tệ trong kỳ và tỷ giá ngày phát sinh nghiệp vụ chi ngoại tệ thì phản ánh số chênh lệch này trên tài khoản 515 (nếu lãi tỷ giá hối đoái) hoặc tài khoản 635 - Chi phí tài chính (nếu lỗ tỷ giá hối đoái):

➤ Thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) (TK 4132) và của hoạt động sản xuất, kinh doanh (TK 4131):

c. Đối với tiền mặt là vàng bạc, kim khí quý, đá quý:

Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế như: phương pháp giá đơn vị bình quân; nhập trước, xuất trước; nhập sau, xuất trước hay phương pháp đặc điểm riêng. Song từng loại vàng, bạc, đá quý lại có những đặc điểm riêng và giá trị khác nhau nên sử dụng phương pháp đặc điểm riêng để tính giá vàng, bạc, đá quý xuất dùng là chính xác nhất.

Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

1.2.2.2. Kế toán tổng hợp tiền mặt

➤ Chứng từ, sổ sách sử dụng

Cũng tương tự như kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp tiền mặt sử dụng các chứng từ để hạch toán như phiếu thu, phiếu chi, các lệnh chi, các hợp đồng...

Khi phát sinh nghiệp vụ thu, chi tiền kế toán sẽ lập phiếu thu(phiếu chi) trình giám đốc, kế toán trưởng duyệt rồi chuyển cho thủ quỹ thu tiền, sau đó kế toán phân hành sẽ tiến hành định khoản và cập nhật số liệu vào sổ quỹ tiền mặt, sổ cái và các sổ liên quan. Cuối kỳ kế toán đối chiếu số liệu để lên bảng cân đối và các báo cáo kế toán khác.

➤ Tài khoản sử dụng

Để hạch toán tiền mặt tại quỹ kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt”. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

Tài khoản 111 – Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1111 – Tiền Việt Nam:* Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

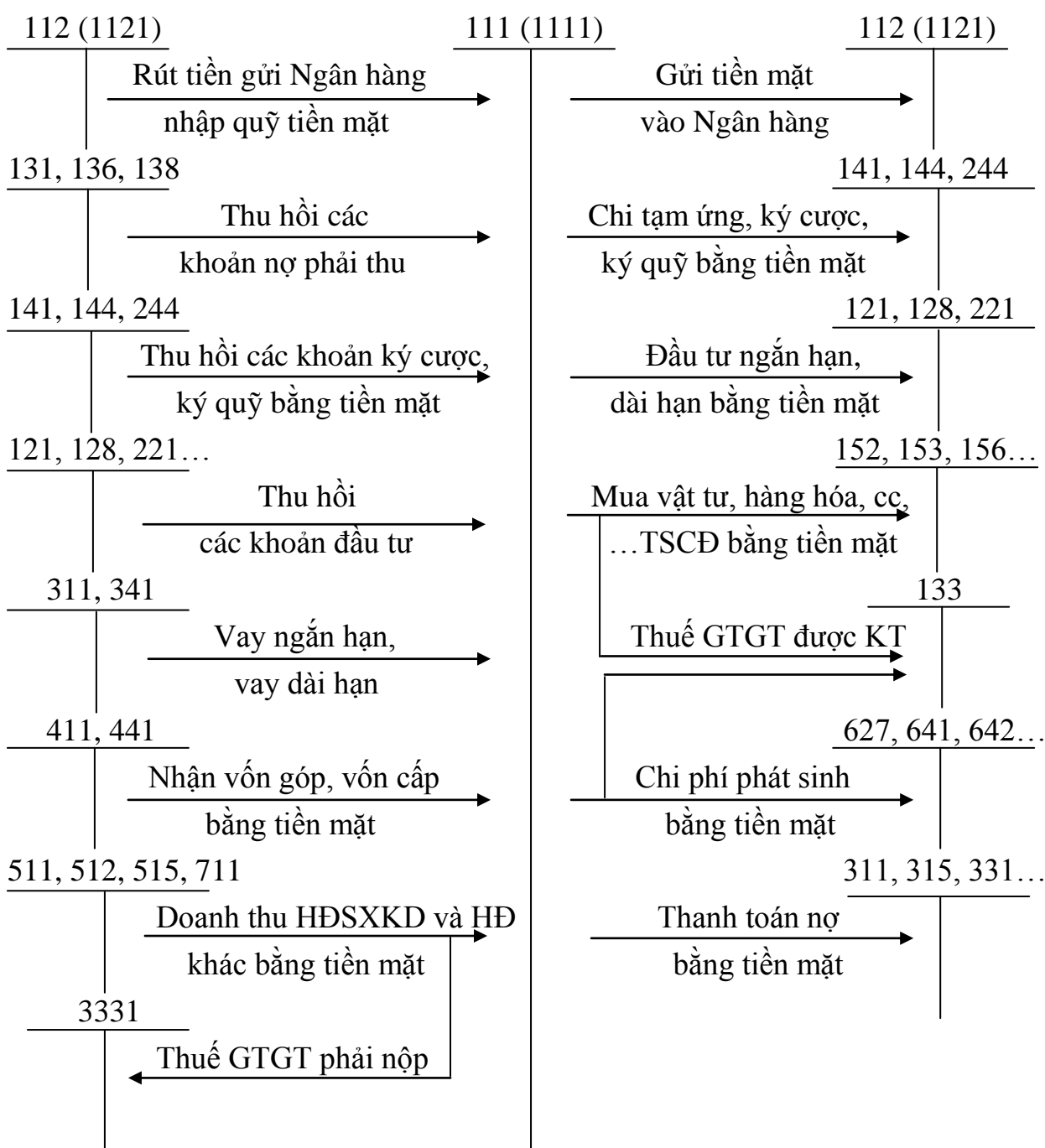
- Tài khoản 1112 – Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- Tài khoản 1113 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

➤ Sơ đồ kế toán

a. Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam

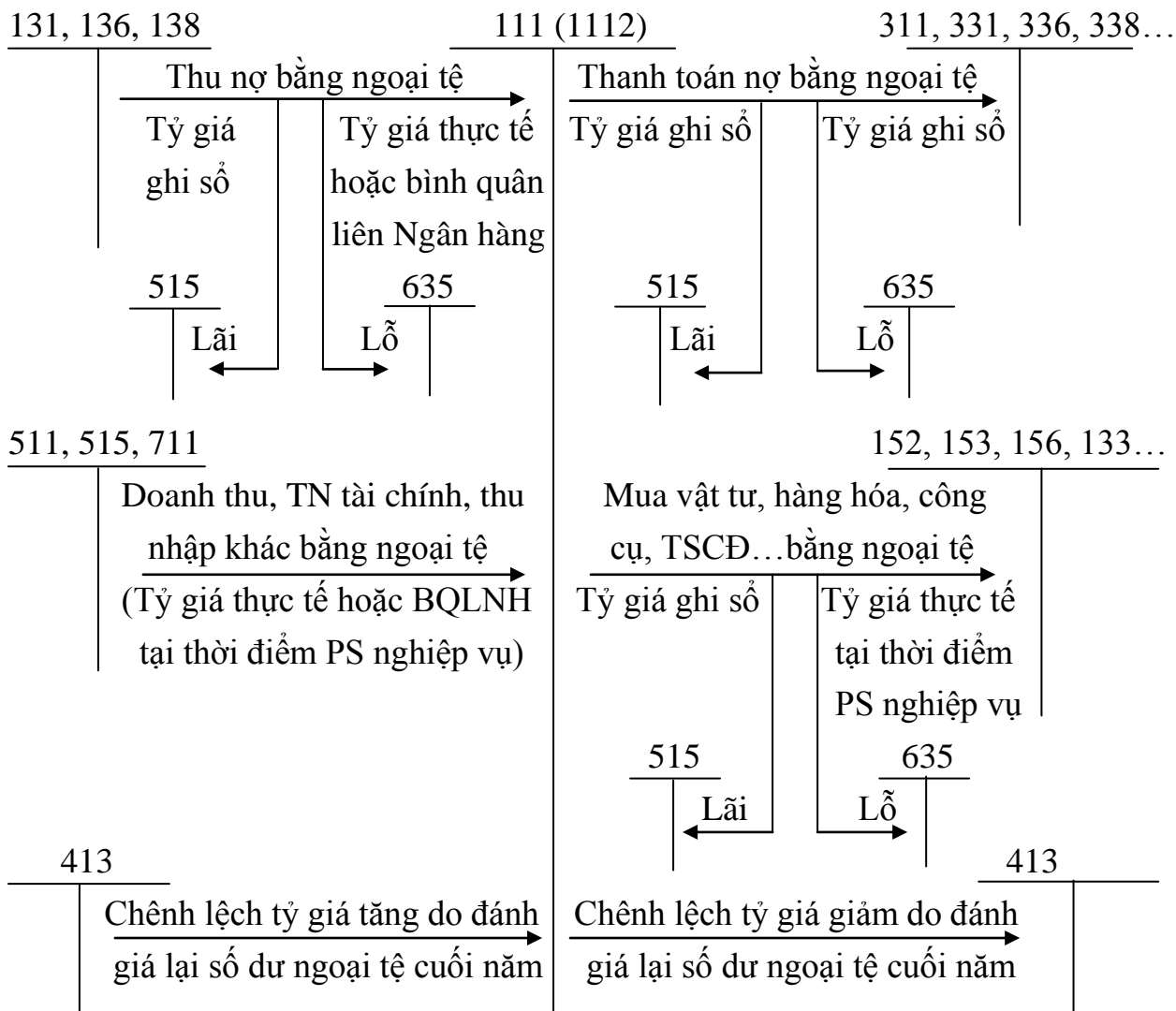
Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.1) :



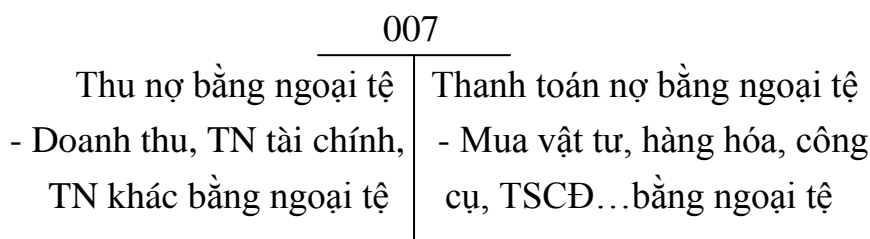
Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt (VNĐ)

b. Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ:

Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:
(sơ đồ 1.2) :



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.



Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)

1.2.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.2.3.1. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng

a. Đối với tiền gửi Ngân hàng là tiền Việt Nam

➤ *Chứng từ, sổ sách dùng để hạch toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng:*

- Các giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê của Ngân hàng.
- Các chứng từ khác: Séc chuyên khoản, séc định mức, séc bảo chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu.

- Sổ tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng VNĐ (S31-DN), sổ chi tiết bán hàng, bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng,...

➤ *Nguyên tắc hạch toán trên tài khoản 112 - TGNH:*

1. Căn cứ để hạch toán trên Tài khoản 112 “Tiền gửi Ngân hàng” là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, séc chuyên khoản, séc bảo chi,...).

2. Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ

theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Sổ chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1388) (Nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

3. Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

4. Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở từng Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

b. Đối với tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ:

➤ *Sổ sách sử dụng:*

Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng ngoại tệ (S32-DN), sổ chi tiết theo dõi thanh toán bằng ngoại tệ (S33-DN),

➤ *Nguyên tắc hạch toán:*

1. Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh (Sau đây gọi tắt là tỷ giá giao dịch BQLNH). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh.

2. Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (Kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động đầu tư XD CB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “Doanh

thu hoạt động tài chính” (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá).

3. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132). Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ

Ngoài ra, để theo dõi chi tiết các loại nguyên tệ kế toán mở sổ chi tiết TK 007.

4. Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) vào TK 4132 và của hoạt động sản xuất, kinh doanh vào TK 4131.

1.2.3.2. Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân hàng

➤ *Chứng từ, sổ sách sử dụng:*

Giấy báo nợ, giấy báo có, bản sao kê, lệnh chuyển có, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi,...

Ngoài ra còn sử dụng các sổ sách tổng hợp liên quan

➤ *Tài khoản sử dụng*

Hạch toán tiền gửi Ngân hàng (TGNH) được thực hiện trên tài khoản 112-TGNH. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào Ngân hàng;

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ Ngân hàng;

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại Ngân hàng.

Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1121 – Tiền Việt Nam:* Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1122 – Ngoại tệ:* Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý:* Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra, và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

➤ *Trình tự hạch toán*

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ “Báo Nợ”, “Báo Có” của Ngân hàng ghi vào các sổ kế toán tổng hợp. Kế toán tiền gửi Ngân hàng sử dụng các sổ kế toán tổng hợp tùy thuộc vào hình thức kế toán đơn vị áp dụng.

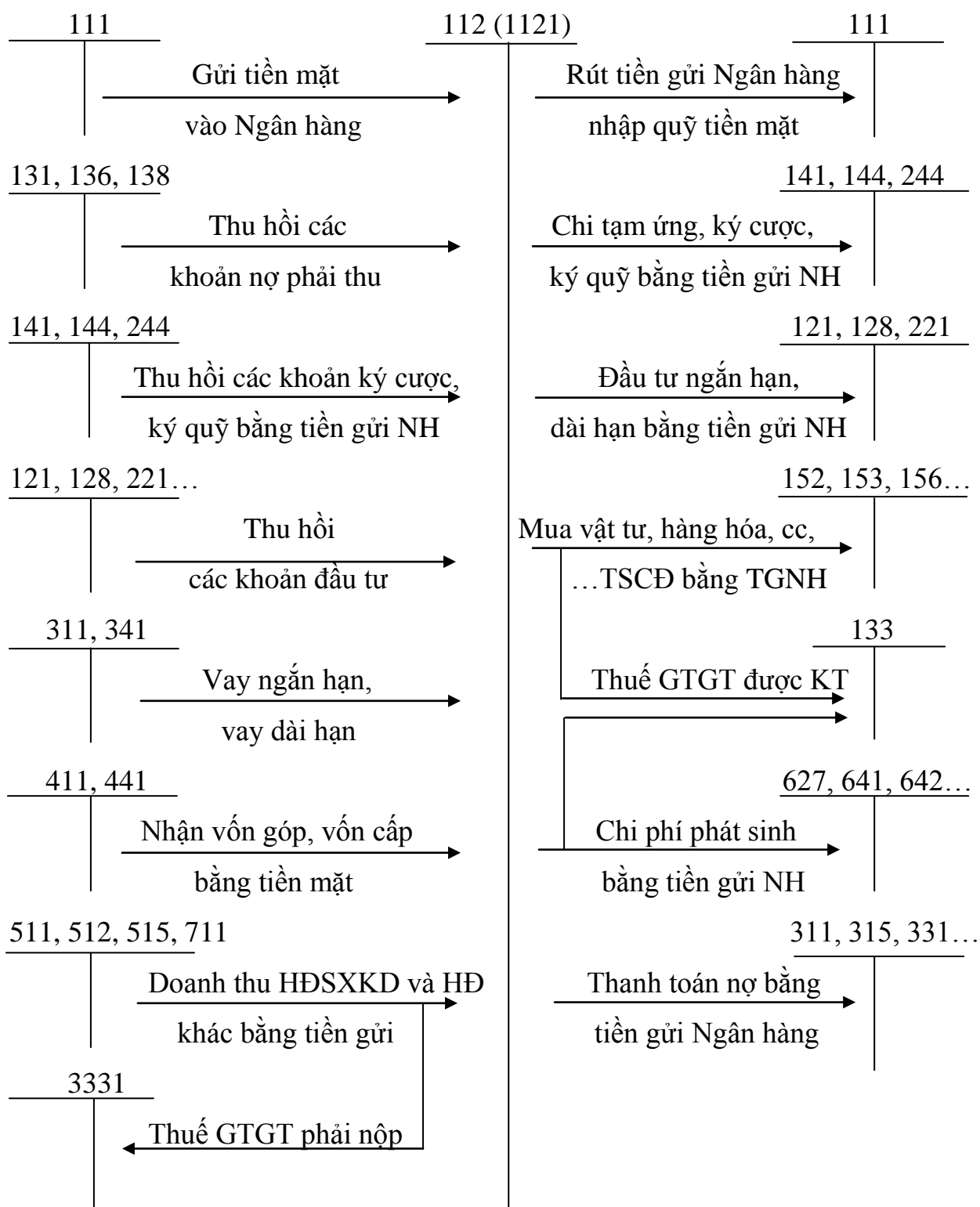
Trong hình thức Nhật ký chứng từ, số phát sinh bên Có TK 112 được phản ánh trên NKCT số 2, số phát sinh bên nợ TK 112 được phản ánh trên bảng kê số 2 - TK 112.

Trong hình thức kế toán nhật ký chung, căn cứ vào chứng từ gốc kế toán phản ánh vào nhật ký chung, nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền. Đồng thời căn cứ vào nhật ký chung để vào sổ cái TK 112 và sổ cái các tài khoản liên quan.

➤ *Sơ đồ hạch toán*

a. *Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam*

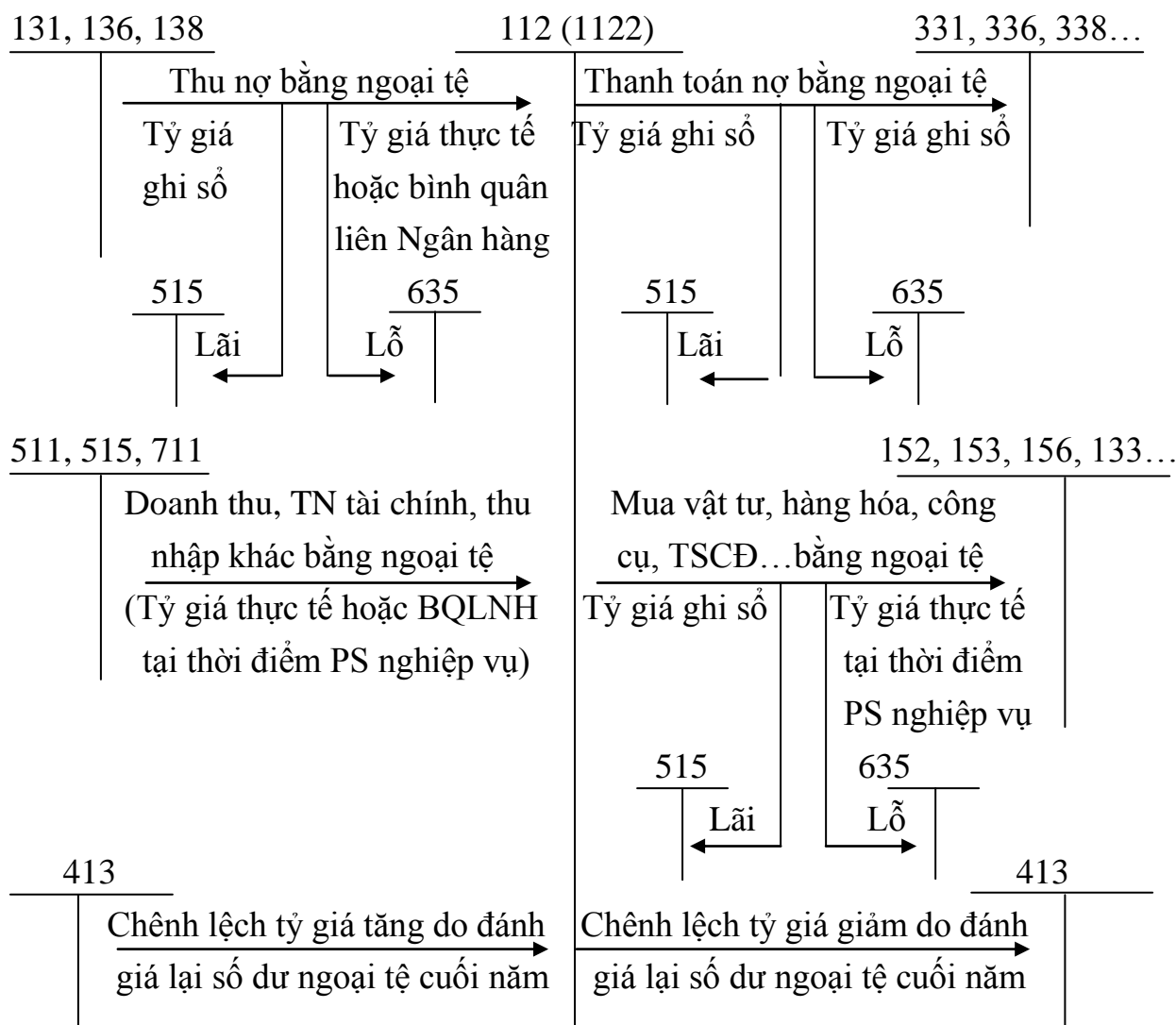
Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.3) :



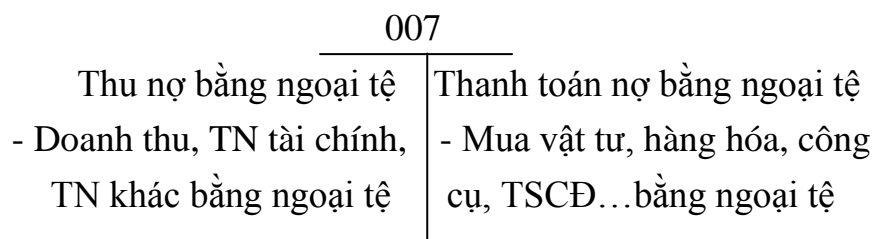
Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)

b. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ :

Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.4) :



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.



Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)

1.2.4. Kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng;
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác;
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: séc các loại, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên tài khoản 113- “Tiền đang chuyển”. Nội dung và kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có;
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Bên Có:

- Số kết chuyển vào Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan;

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1131 - Tiền Việt Nam:* Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.

- *Tài khoản 1132 - Ngoại tệ:* Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

1.2.4.3. Nguyên tắc kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản kê sao của ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền Ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

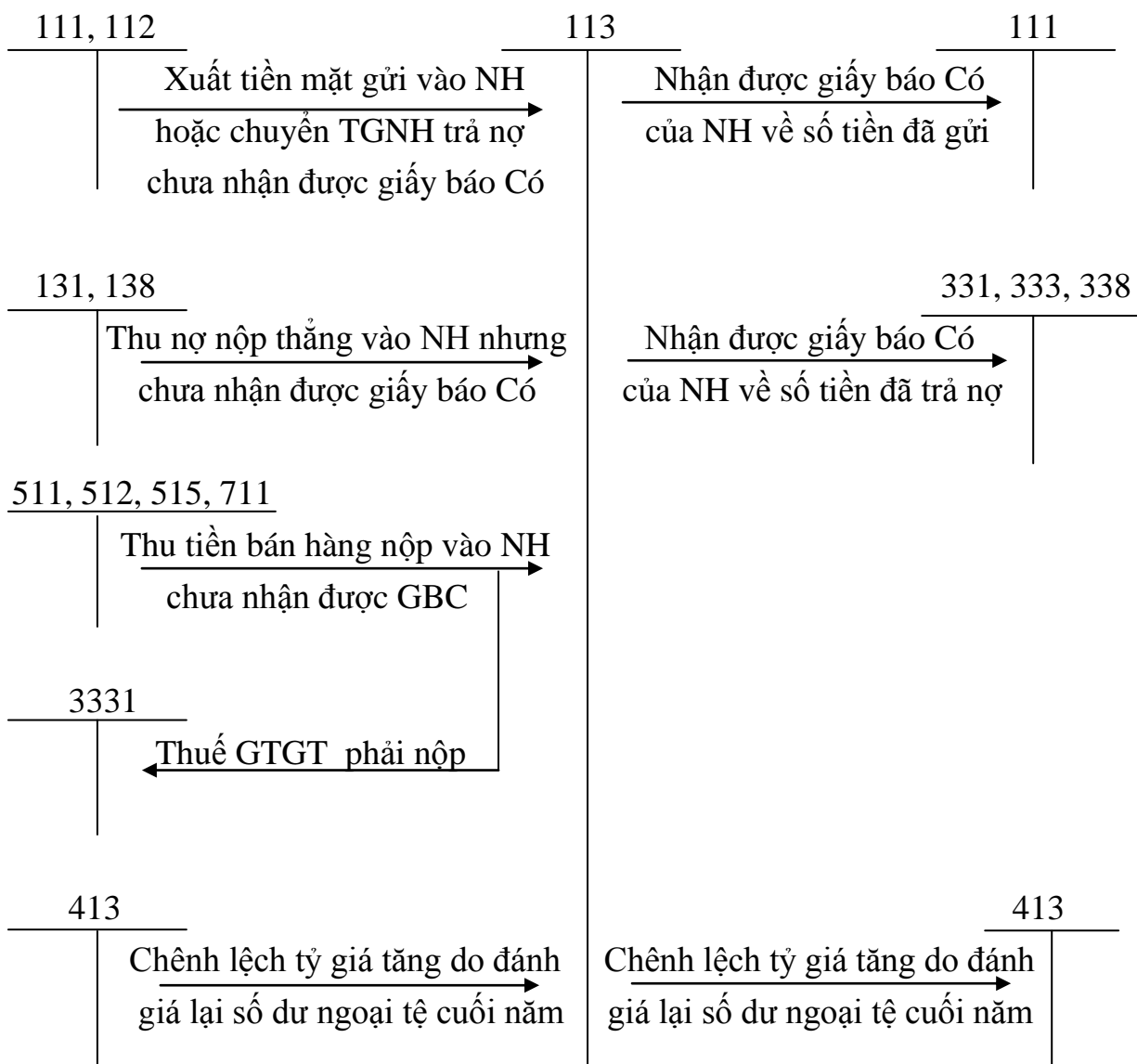
- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hoặc báo Có...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào Ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với ngân hàng.

1.2.4.4. Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.5) :



Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển

CHƯƠNG 2

CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI

2.1. Khái quát chung về công ty:

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải.

Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải được Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003132 ngày 22 tháng 5 năm 2007. Và được cấp lại lần 1 vào ngày 24 tháng 07 năm 2010.

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ nghệ Hàng Hải.

Tên giao dịch tiếng Anh: Marine engineering trade and service joint stock company.

Tên viết tắt: METS J.S.C.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ.

Địa chỉ: Số 33 Mê Linh, phường Mê Linh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3630497

Mã số thuế: 0200741904

Vốn điều lệ: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng chẵn).

➤ Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

- Thuận lợi:

Chỉ mới thành lập được 4 năm nhưng công ty đã nhận được sự giúp đỡ, quan tâm của ban ngành thành phố cũng như sự nhiệt tình của đội ngũ lao động có tay nghề cao. Công ty đã tạo dựng được nhiều uy tín và đáp ứng được yêu cầu ngày càng lớn của thị trường hàng hải đặc biệt trong việc cung cấp các dịch vụ sửa chữa máy móc, tàu biển, cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa, tư vấn kỹ thuật đồng thời cung ứng nguồn lao động trong ngành hàng hải...

- Khó khăn:

Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải có quy mô kinh doanh và tiềm năng hoạt động còn nhỏ, công ty bị hạn chế nhiều mặt:

+ Về mặt nhu cầu thị trường: Hiện nay, ngành Hàng Hải đang gặp khó khăn do yếu tố chủ quan và khách quan của thị trường kinh tế thế giới và kinh tế trong nước mang lại do vậy sự phát triển của ngành đang bị chững lại.

+ Về vốn: Do vốn ít nên việc đầu tư mua sắm các trang thiết bị để cung cấp cho việc sửa chữa còn thiếu, chưa đáp ứng được hết các nhu cầu của khách hàng.

Ngoài ra, sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt cũng là trở ngại cho công ty.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải

Công ty kinh doanh các ngành nghề:

1. Bán buôn chuyên doanh khác:

- Vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành hàng hải
- Vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ cho sửa chữa tàu thủy

2. Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)

3. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

4. Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh

5. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

6. Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa

7. Vận tải hành khách ven biển và viễn dương

8. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương

9. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa

10. Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải

11. Bốc xếp hàng hóa

12. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chế tạo trang thiết bị phục vụ cho ngành hàng hải.

13. Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác:

- Tư vấn, chế tạo, thi công đóng mới và sửa chữa tàu thủy
- Tư vấn khai thác tàu thủy
- Tư vấn về thiết bị xử lý nước thải, khí thải

14. Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm:

- Đào tạo, huấn luyện và cung ứng lao động, thuyền viên

15. Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước.

16. Đại lý:

- Đại lý môi giới tàu biển nội địa, quốc tế

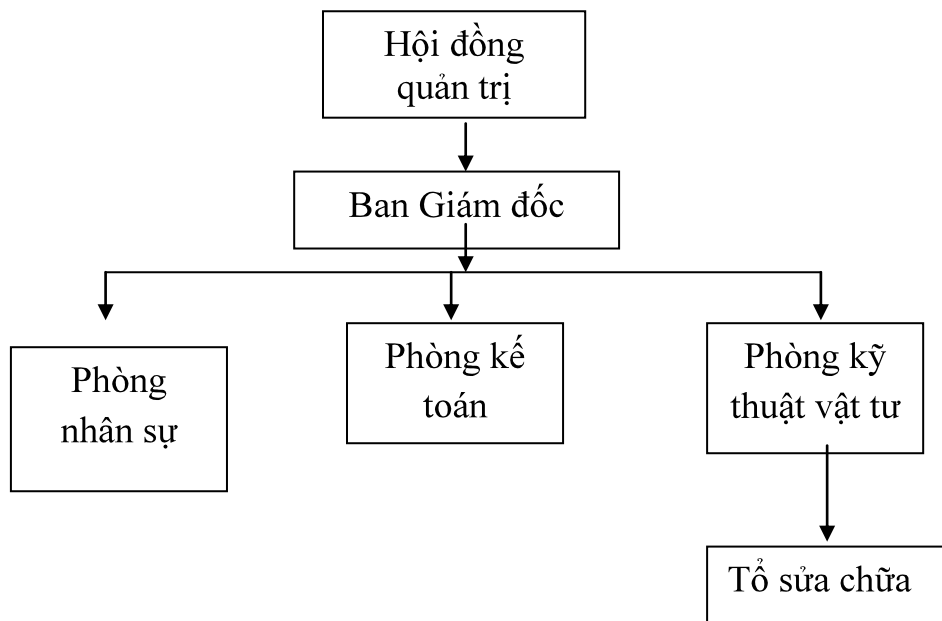
17. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải.

Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải là đơn vị kinh doanh độc lập. Công ty đã tổ chức mô hình quản lý kiểu trực tuyến với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể

Sơ đồ: Bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty

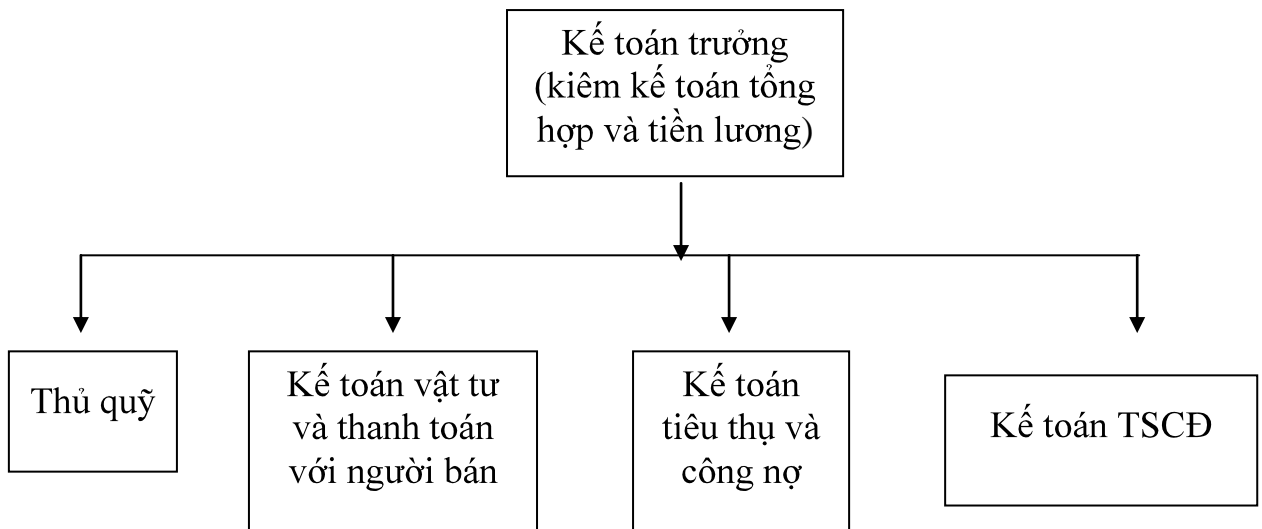
Qua sơ đồ ta thấy chức năng các phòng ban như sau:

- *Chủ tịch hội đồng quản trị*: là người đứng đầu công ty chỉ đạo về chiến lược công ty, là người triệu tập và là chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, là người giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- *Giám đốc*: là người đại diện pháp luật, chỉ đạo trực tiếp phân công lao động phù hợp, là người theo sát và đảm bảo chiến lược đề ra, theo dõi lợi nhuận và chi phí; điều phối, củng cố và đánh giá dữ liệu tài chính và chuẩn bị các báo cáo đặc biệt.
- *Phòng hành chính nhân sự*: Phòng có trách nhiệm tuyển dụng và đào tạo lao động lương thưởng cho cán bộ nhân viên. Thực hiện các công tác hành chính văn phòng như: tiếp khách, phô tô, lưu trữ, đảm bảo văn hóa công ty (trang phục, nề nếp làm việc) và các công tác hành chính khác.
- *Phòng tài chính kế toán*: Có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và xử lý các số liệu thông tin về công tác tài chính kế toán, tham mưu cho giám đốc về hiệu quả của dòng vốn kinh doanh cũng như trong việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh...
- *Phòng kỹ thuật vật tư*: Đảm nhận công tác xuất nhập khẩu của công ty giao nhận vật tư, công tác giám sát kiểm tra chất lượng sản phẩm, giải quyết và thực hiện các quy trình phản hồi của công ty khi có khiếu nại của khách hàng.
- *Tổ sửa chữa*: quản lý đồ nghề dụng cụ bảo hộ lao động, thực hiện công việc sửa chữa theo sự chỉ đạo của phòng kỹ thuật vật tư và ban Giám đốc.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải

- Nhiệm vụ của phòng kế toán của công ty là phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin phục vụ cho công tác quản lý và chỉ đạo kinh doanh. Đồng thời ghi chép vào sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Với chức năng và nhiệm vụ như vậy, bộ máy kế toán của công ty đã áp dụng hình thức kế toán tập trung:

Sơ đồ: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty



Sơ đồ 2.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty

➤ **Nhiệm vụ**

- Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp và kế toán tiền lương: có chức năng giám sát mọi hoạt động chung của phòng kế toán. Theo dõi tình hình thanh toán lương, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ với các cán bộ công nhân trong toàn công ty. Cuối kỳ tập hợp các khoản mục chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, tư vấn lên giám đốc cho hoạt động trong tương lai của công ty.
- Kế toán tiêu thụ và phải thu khách hàng: theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các đại lý cũng như tình hình thanh toán công nợ của người mua.
- Kế toán TSCĐ: có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ, quản lý tình hình sử dụng TSCĐ, theo dõi khấu hao.
- Thủ quỹ: Đảm bảo các hoạt động quản lý và thu chi trong các hoạt động giao dịch của công ty.

➤ **Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán:**

Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

➤ **Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán**

Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

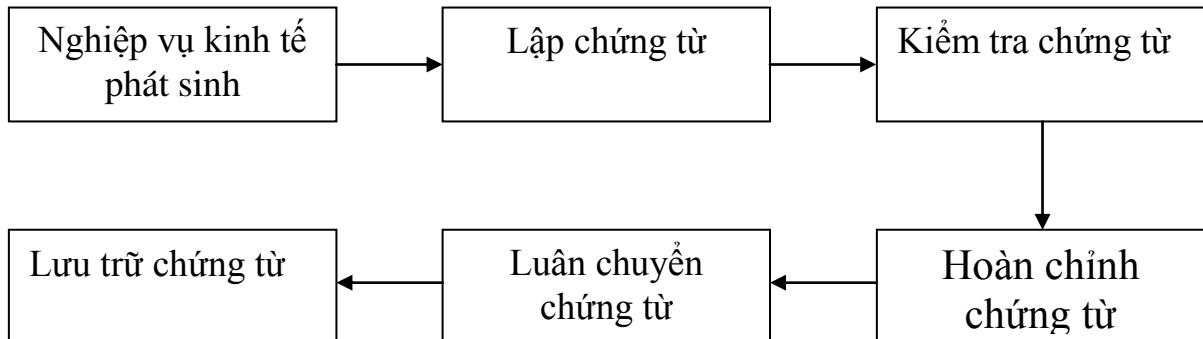
2.1.5. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải:

Hình thức kế toán được công ty áp dụng là: **Nhật ký chung**.

Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo các bước theo sơ đồ sau:

Sơ đồ: Chu trình kế toán tại công ty CPTM và DV Kỹ nghệ Hàng Hải



Sơ đồ 2.3: Chu trình kế toán tại công ty CPTM và DV Kỹ nghệ Hàng Hải

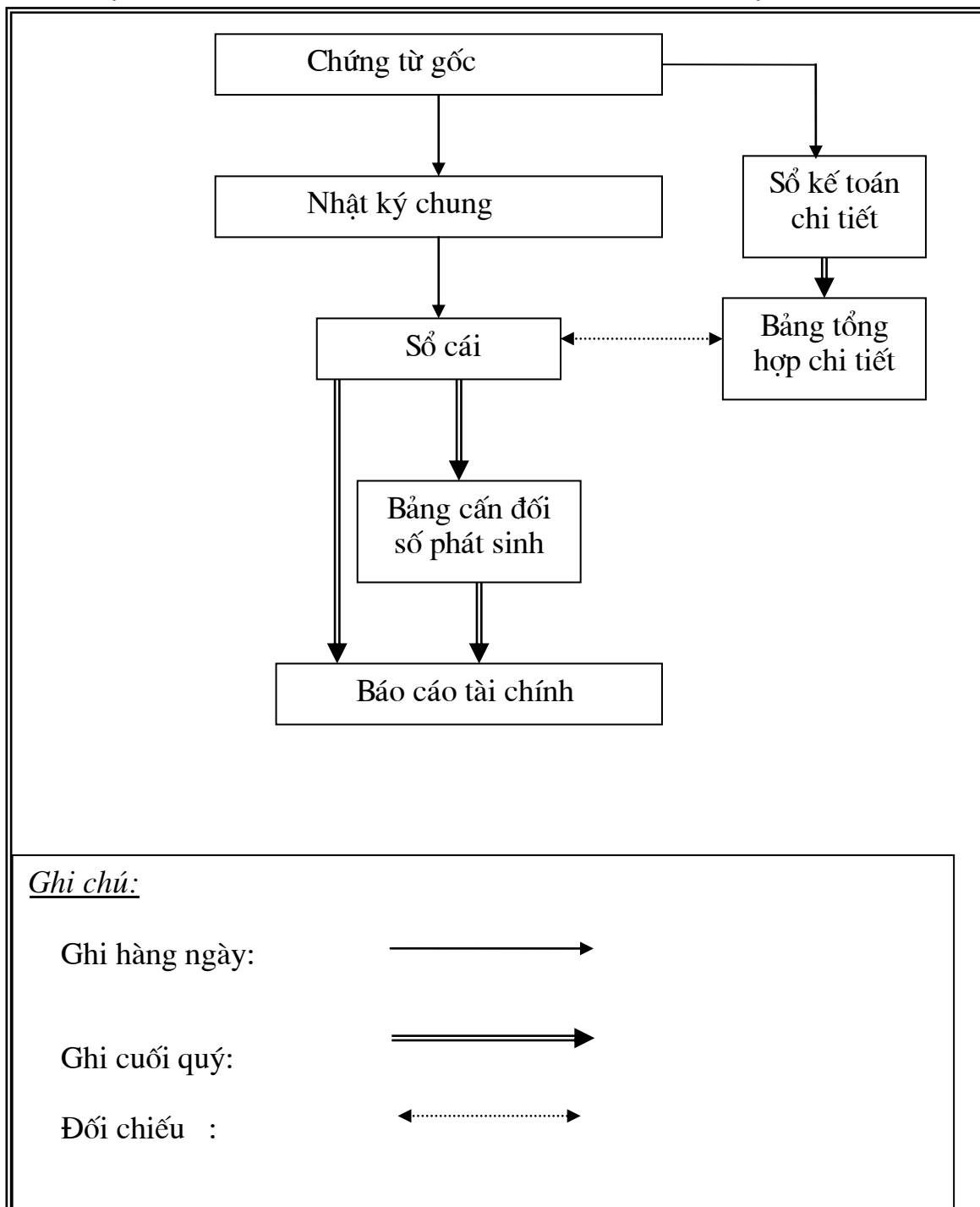
- *Kiểm tra chứng từ:* Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.
- *Hoàn chỉnh chứng từ:* Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất... tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.

- *Luân chuyển chứng từ*: Tùy theo tính chất nội dung cả từng loại chứng từ luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác

- *Lưu trữ chứng từ*: Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán ***Nhật ký chung*** là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG



Sơ đồ 2.4: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

➤ **Chính sách kế toán:**

- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006
- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hàng tháng công ty phải nộp tờ khai thuế cho Chi cục thuế Quận Lê Chân.
- Công ty kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Hàng quý công ty phải lập tờ khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Vào cuối năm công ty lập quyết toán thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định của Tổng cục thuế.
- Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

➤ **Trình tự ghi sổ kế toán như sau:**

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết.
2. Hàng ngày, từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái các tài khoản.
3. Tổng hợp các sổ chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết.
4. Kiểm kê tài sản, khóa sổ kế toán, lập bảng cân đối số phát sinh.
5. Lập báo cáo kế toán:
 - Bảng cân đối kế toán.
 - Bảng báo cáo kết quả kinh doanh.
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - Thuyết minh báo cáo tài chính.

2.1.6. Một số kết quả đạt được của công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải đạt được trong những năm gần đây.

Hiện nay công ty đã bắt đầu có uy tín và thương hiệu trong việc cung cấp các dịch vụ về sửa chữa tàu thủy, dịch vụ vận tải và cung cấp nguồn nhân công lành nghề.

Kết quả đạt được trong những năm 2008, 2009, 2010 như sau:

- Về lao động: Số lượng tham gia lao động tại công ty ngày càng tăng.

Tính đến tháng 12/2010, tổng số lao động của công ty là 54 người trong đó 80% đã được đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, số còn lại tốt nghiệp trường nghề.

- Về biến động của tài sản và nguồn vốn tại công ty (ĐVT: Đồng VN):

Bảng 2.1. Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trong các năm 2008, 2009, 2010

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tài sản			
A. Tài sản ngắn hạn	1.896.768.442	1.110.023.202	2.021.791.541
B. Tài sản dài hạn	538.958.333	417.945.837	1.013.247.331
Tổng tài sản	2.435.726.775	1.527.969.039	3.035.038.872
Nguồn vốn			
A. Nợ phải trả	1.435.726.775	463.239.703	1.896.181.818
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	1.000.000.000	1.064.729.336	1.138.857.054
Tổng cộng nguồn vốn	2.435.726.775	1.527.969.039	3.035.038.872

Nhìn vào bảng trên ta có thể nhận xét như sau: Tổng tài sản và nguồn vốn của công ty năm 2009 có xu hướng giảm, điều này chứng tỏ cơ sở vật chất của công ty chưa được tăng cường, quy mô chưa được mở rộng, điều này làm giảm nguồn lợi tức của công ty.

Nhưng đến năm 2010 thì tổng tài sản và nguồn vốn tăng mạnh điều này chứng tỏ doanh nghiệp đã chú ý tăng cường cơ sở vật chất, đồng thời mở rộng quy mô kinh doanh, việc này đã góp phần làm tăng lợi nhuận của công ty một cách đáng kể.

- Về sự biến động doanh thu, chi phí, và lợi nhuận sau thuế của công ty (ĐVT: đồng):

Bảng 2.2. Tình hình biến động về lợi nhuận trong các năm 2008, 2009, 2010

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	4.812.116.218	3.999.939.637	6.361.405.817
Chi phí QLDN	469.990.878	485.100.828	1.293.718.814
Lợi nhuận sau thuế	78.338.589	109.196.738	58.601.668,73

Qua bảng trên ta thấy: Doanh thu thuần năm 2010 là cao nhất nhưng lợi nhuận sau thuế lại thấp nhất, giảm một nửa so với năm trước đó. Điều này là do chi

phí của doanh nghiệp tăng cao như chi phí quản lý doanh nghiệp. Một yếu tố khách quan khác là do năm vừa qua tuy nền kinh tế thị trường đang dần dần ổn định nhưng ngành hàng hải trong nước đang chững lại. Tuy nhiên, doanh thu thuần tăng một cách đáng kể chứng tỏ uy tín và thương hiệu của công ty đang ngày càng lớn mạnh trên thị trường.

2.2.1.1. Kế toán chi tiết tiền mặt

a. Kế toán thu tiền mặt

Các nguồn thu chủ yếu của Công ty bao gồm :

- Thu từ việc kinh doanh dịch vụ
- Thu tạm ứng
- Thu lãi từ tiền gửi Ngân hàng
- Các khoản thu khác

Tháng 12 năm 2010 Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải có rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản thu sau đây em xin trích dẫn một số nghiệp vụ chủ yếu :

Nghiệp vụ 1 :

Ngày 01/12/2010, Công ty thu tiền sửa chữa tàu APOLO1 số tiền là 150.000.000 đồng (chưa bao gồm VAT 10%). Công ty theo HĐ0041394 từ ngày 25/11/2010. Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt thì căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0041394 (Liên 3 : Nội bộ - biểu 2.1), kế toán viết phiếu thu số PT214 (biểu 2.2)

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		HS/2010B															
Liên 3 : Lưu nội bộ		0041394															
Ngày 25 tháng 11 năm 2010																	
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ & kỹ nghệ Hàng Hải																	
Địa chỉ: Số 33 Mê Linh, Lê Chân, Hải Phòng																	
Số tài khoản:																	
Điện thoại: MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>				0	2	0	0	7	4	1	9	0	4				
0	2	0	0	7	4	1	9	0	4								
Họ tên người mua hàng:																	
Tên đơn vị: Cty cổ phần vận tải biển và thương mại APOLO																	
Địa chỉ: số 15 Trần Bình Trọng- TP.HCM																	
Số tài khoản:																	
Hình thức thanh toán: TM MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>				0	3	0	3	1	4	7	9	3	2				
0	3	0	3	1	4	7	9	3	2								
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1x2												
1	Sửa chữa tàu Apolo1	tàu	01	150.000.000	150.000.000												
/																	
/																	
/																	
/																	
Cộng tiền hàng:					150.000.000												
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT												
					15.000.000												
Tổng cộng tiền thanh toán					165.000.000												
Số tiền viết bằng chữ: Một Trăm sáu mươi năm triệu đồng chẵn.																	
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>													
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>																	

Đơn vị: Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải

Địa chỉ: Số 33 Mê Linh, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số 01-TT

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

Biểu 2.1 : Hoá đơn GTGT 0041394

PHIẾU THU

Số: P214

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

NỢ: 111

CÓ: 131

Họ và tên người nộp tiền: Cty cổ phần vận tải biển và thương mại Apolo

Địa chỉ: Số 15 Trần Bình Trọng - TP.HCM

Lý do nộp: Tiền sửa chữa tàu Apolo 1

Số tiền: 165.000.000đ (viết bằng chữ) Một trăm sáu mươi năm triệu đồng chẵn.

Kèm theo: HĐ0041394 chứng từ kế toán.....

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một trăm sáu mươi năm triệu đồng chẵn.

Biểu 2.2 : Phiếu thu tiền mặt PT214

Nghiệp vụ 2:

Ngày 31/12/2008 Chi nhánh Cty CP Vimedimex Hạ Long nộp phí giao nhận khoán 10 lô hàng phụ tùng lắp ráp ô tô có HĐGTGT 0041420 (biểu 2.3) , căn cứ vào hoá đơn này kế toán viết phiếu thu số PT338 (biểu 2.4)

Đơn vị: Công ty CPTM&DVKN Hàng Hải
Địa chỉ: Số 33 Mê Linh, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số 01-TT
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

<p>HOÁ ĐƠN Mẫu số: 01 GTKT-3LL GIÁ TRỊ GIA TĂNG HS/2010B Liên 3 : Lưu nội bộ 0041420 Ngày 31 tháng 12 năm 2010</p>																																																						
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ nghệ Hàng Hải Địa chỉ: Số 33 Mê Linh, Lê Chân, Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table> 0	0	2	0	3	0	0	3	1	3	2																																												
0	2	0	3	0	0	3	1	3	2																																													
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Chi nhánh Cty CP Vimedimex tại Hạ long Địa chỉ: 60 Chu Văn An – Bạch Đằng- Hạ Long Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">-</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table>	0	3	0	0	4	7	9	7	6	0	-	0	0	2																																								
0	3	0	0	4	7	9	7	6	0	-	0	0	2																																									
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="width: 8%;">STT</th> <th style="width: 40%;">Tên hàng hoá, dịch vụ</th> <th style="width: 10%;">Đơn vị tính</th> <th style="width: 10%;">Số lượng</th> <th style="width: 10%;">Đơn giá</th> <th style="width: 12%;">Thành tiền</th> </tr> <tr> <th>A</th> <th>B</th> <th>C</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3=1x2</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: left;">1</td> <td style="text-align: left;">Phí giao nhận khoán gọn phụ tùng lắp ráp ô tô HP - QN</td> <td style="text-align: left;">lô</td> <td style="text-align: right;">10</td> <td style="text-align: right;">1.000.000</td> <td style="text-align: right;">10.000.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Cộng tiền hàng:</td> <td style="text-align: right;">10.000.000</td> </tr> <tr> <td colspan="3" style="text-align: left;">Thuế suất GTGT: 10%</td> <td colspan="2" style="text-align: left;">Tiền thuế GTGT:</td> <td style="text-align: right;">1000.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Tổng cộng tiền thanh toán</td> <td style="text-align: right;">11.000.000</td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="padding: 5px;">Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu chín trăm ngàn đồng chẵn.</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"> Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> </td> <td style="padding: 5px;"> Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> </td> <td colspan="4" style="padding: 5px;"> Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> </td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="text-align: center; padding: 10px;"><i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i></td> </tr> </tbody></table>	STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	A	B	C	1	2	3=1x2	1	Phí giao nhận khoán gọn phụ tùng lắp ráp ô tô HP - QN	lô	10	1.000.000	10.000.000	Cộng tiền hàng:					10.000.000	Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1000.000	Tổng cộng tiền thanh toán					11.000.000	Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu chín trăm ngàn đồng chẵn.						Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>				<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																																	
A	B	C	1	2	3=1x2																																																	
1	Phí giao nhận khoán gọn phụ tùng lắp ráp ô tô HP - QN	lô	10	1.000.000	10.000.000																																																	
Cộng tiền hàng:					10.000.000																																																	
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1000.000																																																	
Tổng cộng tiền thanh toán					11.000.000																																																	
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu chín trăm ngàn đồng chẵn.																																																						
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>																																																				
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>																																																						

Biểu 2.3 : Hoá đơn GTGT 004142

PHIẾU THU

Số: PT338

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NỢ: 111

CÓ: 511; 3331

Họ và tên người nộp tiền: Chi nhánh Cty CP Vimedimex

Địa chỉ: 60 Chu Văn An- Bạch Đằng- Hạ Long

Lý do nộp: Phí GN: 10.000.000đ + VAT: 1000.000đ

Số tiền: 11.000.000đ (viết bằng chữ) Mười một triệu đồng chẵn.

Kèm theo: HĐ 0041420...chứng từ kế toán.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nộp

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười một triệu đồng chẵn.

Biểu 2.4: Phiếu thu tiền mặt PT338

Nghiệp vụ 3 :

Ngày 31/12/2010, Ông Đồng Mạnh Hùng nộp tiền mặt nhập quỹ kinh doanh số tiền là 200.000.000đ có giấy nộp tiền như sau (biểu 2.5):

GIẤY NỘP TIỀN		
Họ và tên :	Nguyễn Thị Huyền	
Bộ phận công tác :	Phòng Kế Toán	
Số tiền nộp bằng số :	200.000.000	
Bằng chữ :	Hai trăm triệu đồng chẵn.	
Nội dung :	Góp vốn kinh doanh	
	<i>Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp

Biểu 2.5 : Giấy nộp tiền

Căn cứ vào giấy nộp tiền kế toán viết phiếu thu số PT339(biểu 2.6) với nội dung Nộp tiền nhập quỹ kinh doanh.

PHIẾU THU

Số: PT339

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NỢ: 111

CÓ: 4111

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Huyền

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do nộp: Nộp tiền mặt nhập quỹ kinh doanh

Số tiền: 200.000.000đ (*viết bằng chữ*) Hai trăm triệu đồng chẵn.

Kèm theo..... chứng từ kế toán.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn.

Biểu 2.6 : Phiếu thu tiền mặt PT339

b. Kế toán chi tiền mặt


Các nguồn chi chủ yếu của Công ty bao gồm :

- Chi tạm ứng
- Chi mua vật tư, tài sản, hàng hóa, công cụ dụng cụ, nhiên liệu
- Chi thanh toán lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên
- Chi trả nợ cho người bán và Ngân hàng
- Chi các khoản nộp ngân sách Nhà nước
- Các khoản chi khác

Sau đây em xin trích một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản chi tháng 12 năm 2008 tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ & kỹ nghệ Hàng Hải:

Nghiệp vụ 1 :

Ngày 29/12/2010, Công ty nộp tiền cước phí dịch vụ viễn thông tháng 11, có HĐGTGT (liên 2) số 530106 (biểu 2.7), căn cứ vào hoá đơn kế toán viết phiếu chi PC358 (biểu 2.8)

	
HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao cho khách hàng (Customer)	
Mẫu số: 01GTKT-2LN-03 VT01 Ký hiệu (Serial No): AB/2010T Số (No): 530106	
Mã số: 0200287977-022 TT Dịch Vụ Khách Hàng - VNPT - Số 4 Lạch Tray Tên khách hàng (Customer's name): Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ kỹ nghệ Hàng Hải MS: 0203003132 Địa chỉ (Address): 33 Mê linh - Lê Chân - Hải Phòng Số điện thoại (Tel): 3630497 Mã số (code): HPG-04-45192(T33MELINH) Hình thức thanh toán (Kind of Payment):	
DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VNĐ
KỶ HOÁ ĐƠN THÁNG 11 NĂM 2010 Doanh thu VNPT Doanh thu VNPT không chịu thuế Khuyến mại + chiết khấu Doanh nghiệp khác	846 031
<i>Cộng tiền dịch vụ(Total) (1):</i>	846 031
<i>Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%x(1)= Tiền thuế GTGT(VAT amount(2):</i>	84 603
<i>Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):</i>	930 634
Số tiền viết bằng chữ (in word): Chín trăm ba mươi ngàn sáu trăm ba mươi bốn đồng . <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%;"> Ngày 29 tháng 12 năm 2010 Người nộp tiền ký (Signature of payer) </div> <div style="width: 45%;"> Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealing staff) </div> </div>	

Biểu 2.7 : Hoá đơn DV viễn thông

Đơn vị: Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải
Địa chỉ: Số 33 Mê Linh - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: PC358

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

NỢ: 642; 1331

CÓ: 111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Huyền

Địa chỉ: Công ty CPTM&DVKN Hàng Hải

Lý do chi: Dịch vụ viễn thông: 846.031đ + VAT: 84.063đ

Số tiền: 930.634đ (viết bằng chữ) Chín trăm ba mươi ngàn sáu trăm ba tư đồng.

Kèm theo...HĐ: 530106...chứng từ gốc.....

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Chín trăm ba mươi ngàn sáu trăm ba tư đồng.

Biểu 2.8 : Phiếu chi tiền mặt PC358

Nghiệp vụ 2 :

Ngày 29/12/2010, Anh Nguyễn Văn Tuấn phòng hành chính nhân sự đề nghị tạm ứng chi phí tiếp khách của Công ty với số tiền là 2.500.000 đồng. Có giấy đề nghị tạm ứng như sau (biểu 2.9). Sau khi được sự đồng ý tạm ứng của Tổng giám đốc và kế toán trưởng thì kế toán tiền hành lập phiếu chi 359 (biểu 2.10) và thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi đó chi tiền cho người đề nghị tạm ứng.

Đơn vị: Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải

Mẫu số 03 -TT

Địa chỉ: Số 33 Mê Linh - Lê Chân - Hải Phòng

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: Giám đốc Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải

Tên tôi là: **Nguyễn Văn Tuấn**

Địa chỉ: Phòng Nhân sự

Đề nghị cho tôi tạm ứng số tiền: 2.500.000đ (viết bằng chữ:Hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn)

Lý do tạm ứng: chi tiếp khách

Thời hạn thanh toán: 06/01/2011

Kèm theo.....chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Người đề nghị tạm ứng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.9 : Giấy đề nghị tạm ứng

Đơn vị: Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải
Địa chỉ: Số 33 Mê Linh - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: PC359

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

NỢ: 141

CÓ: 111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Tuấn

Địa chỉ: Phòng kinh doanh.

Lý do chi: Tạm ứng

Số tiền: 2.500.000đ (viết bằng chữ) Hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo.....chứng từ gốc.....

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.

Biểu 2.8 : Phiếu chi tiền mặt PC359

Nghiệp vụ 3 :

Ngày 30/12/2010, Công ty mua hàng linh kiện điện tử của Công ty Cổ phần Thương mại Quang Linh sau khi ký Hợp đồng kinh tế và có HĐGTGT như sau (biểu 2.11). Căn cứ vào HĐ GTGT của đơn vị bán hàng cung cấp, kế toán của Công ty lập phiếu chi PC360 để thanh toán (biểu 2.12)

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		MT/2010B			
Liên 2: Giao cho khách hàng		0006692			
Ngày 30 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Thương mại Quang Linh					
Địa chỉ: 9A Phương Lưu II Đông Hải - Hải An - HP					
Số tài khoản:					
Điện thoại:	MS:	0 2	0 0 5 9 2 9 7 0		
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải					
Địa chỉ: Số 33 Mê Linh, Lê Chân, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM	MS:	0 2	0 3 0 0 3 1 3 2		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Phụ kiện đầu VCD, DVD bằng nhựa: nút nhấn, nắp cơ, chân đế	Kg	60	11.000	660.000
2	Dây dẫn tín hiệu có đầu giắc cắm dài <2m	Cái	800	3.000	2.400.000
3	Dây dẫn điện bọc nhựa có đầu giắc cắm dài <2m, tiết diện lõi <1,75mm ² , điện áp 220V	Sợi	1.200	1.400	1.680.000
Cộng tiền hàng:					4.740.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		474.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					5.214.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu hai trăm mười bốn ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu 2.11 : Hoá đơn GTGT0006692

PHIẾU CHI

Số: PC360

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

NỢ: 156; 1331

CÓ: 111

Họ và tên người nhận tiền: Công ty Cổ phần Thương mại Quang Linh

Địa chỉ: 9A Phương Lưu II Đông Hải - Hải An - HP

Lý do chi: Trả tiền hàng

Số tiền: 5.214.000đ (viết bằng chữ) Năm triệu hai trăm mười bốn ngàn đồng chẵn.

Kèm theo...HĐ0006692...chứng từ gốc.....

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu hai trăm mười bốn ngàn đồng chẵn.

Biểu 2.12 : Phiếu chi tiền mặt PC360

Phiếu thu, phiếu chi hàng ngày được chuyển cho thủ quỹ để thực hiện thanh toán và vào sổ quỹ tiền mặt (biểu 2.13), sau đó chứng từ sẽ tiếp tục được chuyển cho kế toán để vào sổ nhật ký chung (biểu 2.14), đồng thời vào sổ chi tiết TK 111 (biểu 2.15), từ sổ NKC kế toán tiếp tục vào sổ cái TK 111 (biểu 2.16);

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Trích tháng 12 năm 2010

DVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	G
				<u>Dư đầu năm</u>			1.725.323.029	
				<u>Dư đầu tháng 12</u>			65.356,00	
01/12	01/12	PT214		Thu tiền sửa chữa tàu aplo1 HD41394	165.000.000		230.356.000	
01/12	01/12	PT215		Bùi Anh Tuấn hoàn tạm ứng	3.432.000		233.788.000	
01/12	01/12		PC322	Phí Hải quan		12.818.000	220.970.000	
01/12	01/12	PT216		Rút tiền gửi nhập quỹ TM	350.000.000		570.970.000	
02/12	02/12	PT217		Ông Nguyễn Văn Tuấn cho vay vốn KD	150.000.000		720.970.000	
...
29/12	29/12	PT337		Thu tiền hàng sửa chữa tàu VINASHINHD	8.140.000		722.931.628	
29/12	29/12		PC358	Chi DV viễn thông		930.634	722.000.994	
29/12	29/12		PC359	Chi tạm ứng		2.500.000	719.500.994	
30/12	30/12		PC360	Trả tiền hàng HD06692		5.214.000	714.286.994	
31/12	31/12	PT338		Thu phí giao nhận HD41420	11.000.000		725.286.994	
31/12	31/12	PT339		Ông Đồng Mạnh Hùng góp vốn kinh doanh	200.000.000		925.286.994	
31/12	31/12		PC361	Trả tiền hàng HD55194		1.250.000	924.036.994	
31/12	31/12	PT340		Thu tiền hàng HD41421	5.500.000		929.536.994	
31/12	31/12		PC362	Lương CBCNV T12		161.966.510	767.570.484	
31/12	31/12	PT341		Thu tiền sửa chữa cabin tàu Baican HD41422	2.320.000		769.890.484	
				Cộng phát sinh T12	1.804.682.030	1.100.147.546		
				Luỹ kế phát sinh	7.015.568.892	7.971.001.437		
				<u>Số dư cuối kỳ</u>			769.890.484	

Biểu 2.13 : Sổ quỹ tiền mặt

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI

NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 12 năm 2010

DVT: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	ĐG SC	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	1	2
			Số trang trước chuyển sang					17.819.437.847	17.819.437.847
01/12	PT214	01/12	Thu tiền hàng HĐ41394	x		111		150.000.000	
	HĐ 41394	25/11		x			131		15.000.000
...
29/12	PC358	29/12	Chi DV viễn thông	x		642		846.031	
	HĐ 530106	29/12		x		1331		84.603	
				x			111		930.634
29/12	PC359	29/12	Chi tạm ứng	x		141		2.500.000	
				x			111		2.500.000
30/12	PC360	30/12	Mua hàng trả bằng TM	x		156		4.740.000	
	HĐ 06692	30/12		x		1331		474.000	
				x			111		5.214.000
31/12	PT338	31/12	Thu phí GN	x		111		11.000.000	
	HĐ 41420	31/12		x			511		10.000.000
				x			3331		1000.000
31/12	PT339	31/12	Ông Đồng Mạnh Hùng góp vốn kd	x		111		200.000.000	
				x			4111		200.000.000
...
			Cộng PS tháng 12					12.760.710.947	12.760.710.947
			Luỹ kế PS					30.580.148.794	30.80.148.794

Biểu 2.14 : Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI

SỔ KẾ TOÁN
CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản : 111
Loại quỹ : Tiền mặt VN
Trích tháng 12 năm 2008

DVT : Đồng

NT chứng từ	Số hiệu CT		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số tồn
	Thu	Chi			Nợ	Có	
			Dư đầu kỳ				65.356.000
01/12	PT214		Thu tiền DV HĐ41394	131	165.000.000		230.356.000
01/12	PT215		Bùi Anh Tuấn hoàn tạm ứng	141	3.432.000		233.788.000
01/12		PC322	Phí Hải quan	641		12.818.000	220.970.000
01/12	PT216		Rút tiền gửi nhập quỹ TM	112	350.000.000		570.970.000
02/12	PT217		Ông Nguyễn Văn Tuấn cho vay VKD	338	150.000.000		720.970.000
...	
29/12	PT337		Thu tiền sửa chữa tàu VINASHINHD	331			722.931.628
29/12		PC358	Chi DV viễn thông	642 1331		846.031 84.603	722.000.994
29/12		PC359	Chi tạm ứng	141		12.500.000	719.500.994
30/12		PC360	Trả tiền hàng HĐ06692	156 1331		4.740.000 474.000	714.286.994
31/12	PT338		Thu phí giao nhận HĐ41420	511 3331	10.000.000 1000.000		725.286.994
31/12	PT339		Ông Đồng Mạnh Hùng góp vốn kinh doanh	4111	650.000.000		925.286.994
31/12		PC361	Trả tiền hàng HĐ55194	156 1331		1.136.364 113.636	924.036.994
31/12	PT340		Thu tiền hàng HĐ41421	511 3331	5.000.000 500.000		929.536.994
31/12		PC362	Lương CBCNV T12	334		161.966.510	767.570.484
31/12	PT341		Thu tiền hàng HĐ41422	511 3331	2.109.091 210.909		769.890.484
			Cộng PS tháng 12		1.804.682.030	1.100.147.546	
			Số dư cuối kỳ				769.890.484

Biểu 2.15 : Sổ chi tiết tiền mặt

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI

SỔ CÁI

Tài khoản : 111 – Tiền mặt

Trích tháng 12 năm 2010

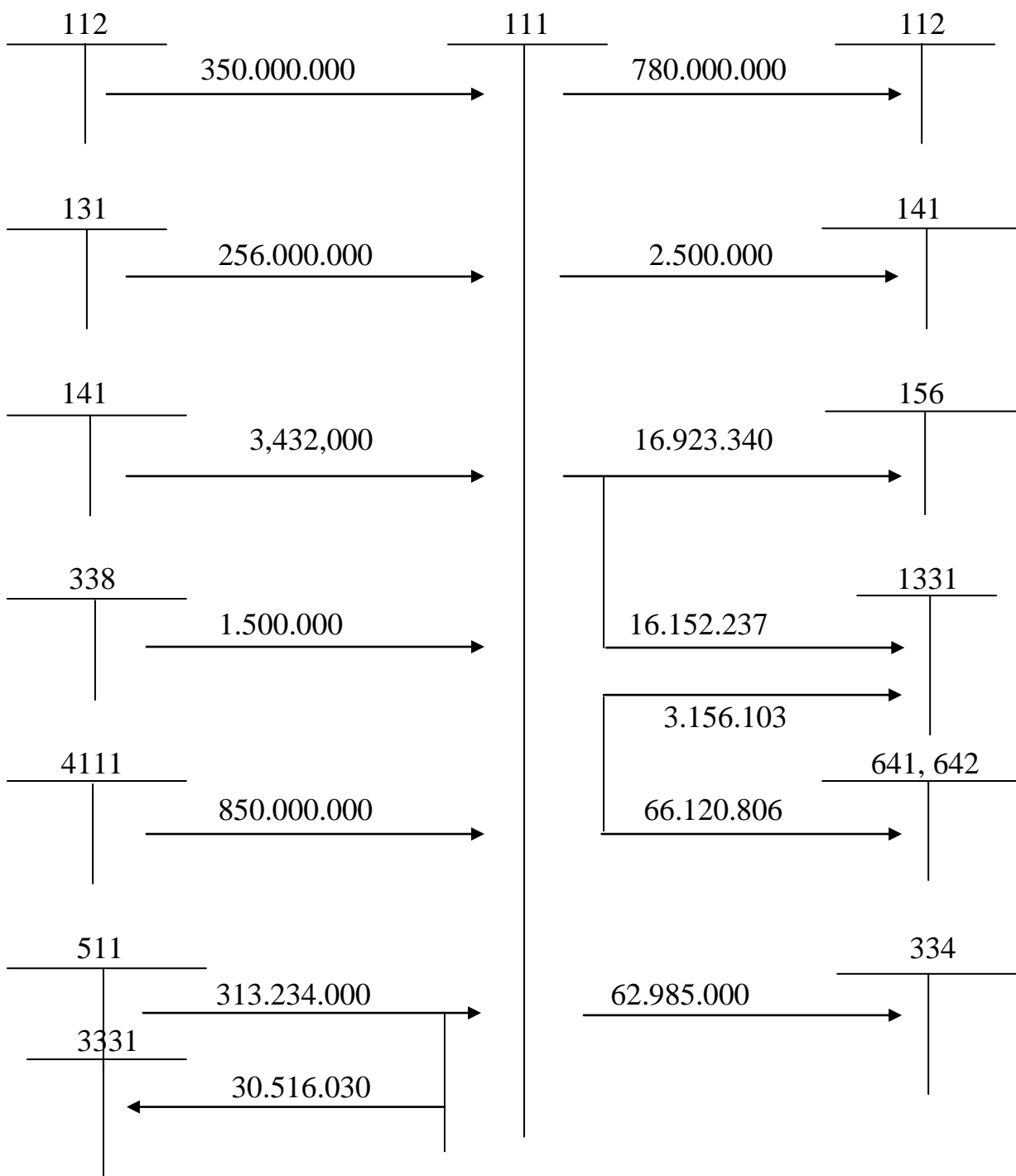
DVT : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng 1</u>				<u>1.725323029</u>	
			<u>Số dư đầu tháng 12</u>				<u>65.356.000</u>	
01/12	PT214	01/12	Thu tiền dv HĐ41394			131	165.000.000	
...
29/12	PC358	29/12	Chi DV viễn thông			642		846.031
						1331		84.603
29/12	PC359	29/12	Chi tạm ứng			141		2.500.000
30/12	PC360	30/12	Mua hàng trả bằng TM			156		4.740.000
						1331		474.000
31/12	PT338	31/12	Thu phí GN			511	10.000.000	
						3331	1000.000	
31/12	PT339	31/12	TM nhập quỹ kinh doanh			4111	200.000.000	
...
			Cộng phát sinh				1.804.682.030	1.100.147.546
			Luỹ kế số phát sinh				7.015.568.892	7.971.001.437
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				<u>769.890.484</u>	

Biểu 2.16 : Sổ cái tiền mặt

2.2.1.2. Kế toán tổng hợp tiền mặt

Từ chứng từ sổ sách đã có, cuối mỗi tháng hoặc mỗi quý kế toán tổng hợp số liệu từ TK 111 đưa vào bảng tổng hợp chi tiết TK 111, bảng cân đối TK và báo cáo kế toán. Kế toán tổng hợp tiền mặt tháng 12/2008 tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.6) :



Sơ đồ 2.6 : Kế toán tổng hợp tiền mặt tháng 12/2010

2.2.1.3. Kiểm kê quỹ và xử lý các tình huống thừa thiếu quỹ.

Cuối kỳ kế toán kiểm kê quỹ. Sau khi kiểm kê sẽ hạch toán chênh lệch vào 711 hoặc 811 (chênh lệch hàng nghìn). Trường hợp chênh lệch nhiều thì treo 138, 338 chờ xử lý. Số dư đầu tháng luôn là số kiểm kê.

2.2.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty

Cùng với hoạt động tiền mặt, hoạt động tiền gửi ngân hàng cũng đóng vai trò quan trọng và diễn ra thường xuyên tại Công ty, thể hiện tính đa dạng hoá về hình thức thanh toán, thuận lợi trong việc luân chuyển tiền tệ.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt toàn bộ vốn bằng tiền của Công ty trừ số được phép để lại quỹ để chi tiêu hàng ngày còn lại đều gửi tại Ngân hàng. Trong quá trình sản xuất kinh doanh công ty gửi tài khoản nhân rồi của mình vào Ngân hàng để thực hiện các nghiệp vụ thanh toán. Khi cần chi tiêu doanh nghiệp phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Việc hạch toán TGNH được công ty mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi.

Hiện nay công ty đang thực hiện giao dịch với 3 ngân hàng là : Viettin Bank(Ngân hàng Công Thương), VP Bank(Ngân hàng TMCP các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam) và Techcombank (Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam).

Căn cứ để ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi của Công ty là các giấy báo Có, giấy báo Nợ hoặc các bảng sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc như uỷ nhiệm chi, séc chuyển khoản... Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán tiến hành kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có số chênh lệch thì phải báo cáo với ngân hàng để hai bên có biện pháp xử lý. Sau đó kế toán vào các sổ sách liên quan tương tự như nghiệp vụ đối với hoạt động tiền mặt.

➤ Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán tiền gửi Ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 “Tiền gửi Ngân hàng” (chi tiết TK 1121 - Tiền gửi Việt Nam). Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại Ngân hàng.

Chi tiết:

- 112V: VP Bank
- 112T: Techcombank
- 112C: ViettinBank

Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ hay vàng bạc, kim khí quý, đá quý

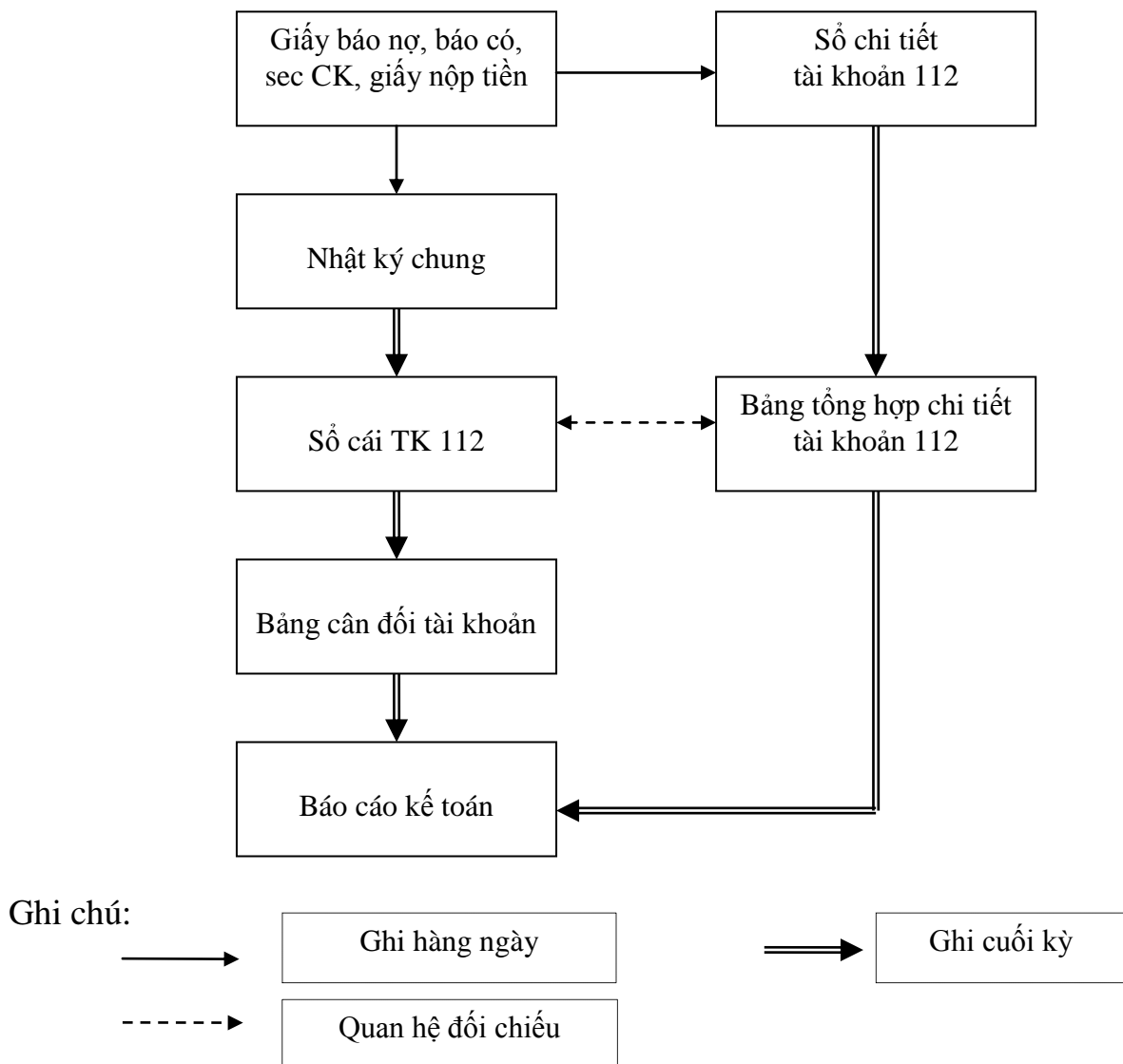
➤ Các chứng từ và sổ sách Công ty sử dụng trong kế toán tiền gửi NH:

- | | |
|---------------------------|-------------------------------------|
| - Giấy nộp tiền | - Sổ phụ khách hàng |
| - Giấy báo nợ | - Sổ tiền gửi ngân hàng. |
| - Giấy báo có | - Sổ nhật ký chung |
| - Ủy nhiệm chi | - Sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi NH |
| - Lệnh chuyển tiền | - Các sổ kế toán tổng hợp. |
| - Phiếu tính tiền lãi vay | - Các sổ kế toán chi tiết liên quan |

➤ Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty CPTM&DVKN

Hàng Hải

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.7) :



Sơ đồ 2.7. Quy trình luân chuyển chứng từ

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo nợ, giấy báo có, sổ phụ tài khoản,... kế toán tiến hành ghi vào nhật ký chung và đồng thời ghi vào sổ chi tiết tài khoản 112. Tại Công ty sổ chi tiết TK112 được mở chi tiết theo từng Ngân hàng. Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK112, cuối tháng tổng hợp từ sổ chi tiết kế toán tiến hành ghi vào bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết và sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và trên cơ sở đó lập báo cáo tài chính.

2.2.2.1. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng tại Công ty:

Trong tháng 12 năm 2010 Công ty có rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi Ngân hàng. Sau đây em xin trích một số nghiệp vụ phát sinh trong tháng:

Nghiệp vụ 1:

Ngày 01/12/2008, Công ty Contanerr phía Nam nộp tiền vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng Techcombank để thanh toán tiền sửa chữa tàu HD09, tổng số tiền là 55.500.000đ. Công ty nhận được phiếu báo có (biểu 2.17) và sổ phụ của Ngân hàng (biểu 2.18)

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VN
TECHCOMBANK HAI PHONG
MST: 0100230800-004

Theo công văn số 21208/CT/AC
Cục thuế Hà Nội

PHIẾU BÁO CÓ

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: CÔNG TY CP TM&DVHH
Địa chỉ: số 33 Mê Linh, Lê Chân, Hải Phòng
Mã số thuế: 0200640800
Số ID khách hàng: 20476907

Số tài khoản: 109.20476907.01.2
Loại tiền: VNĐ
Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán
Số bút toán hạch toán: FT0802800173\SGO

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyển khoản	55.500.000
Tổng số tiền	55.500.000

Số tiền bằng chữ: Lăm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Trích yếu: Nguyễn Thị Bích Liên chuyển tiền vào tài khoản Cty CÔNG TY CP TM&DVHH.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu 2.17 : Phiếu báo có

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VN
TECHCOMBANK HAI PHONG

SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

(Ngày 01 tháng 12 năm 2010)

Tài khoản: 109.20476907.01.2

Loại tiền: VND

Số tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Số ID khách hàng: 20476907

Khách hàng: Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
Số dư đầu ngày				3.254.569
01/12/2008	Nguyễn T.Bích Liên chuyển tiền vào TK Cty CÔNG TY CP TM&DVHH	FT0802800173\SGO		55.500.000
Số dư cuối ngày				58.754.569
Doanh số ngày			0	55.500.000
Doanh số tháng			120.000.000	868.977.000
Doanh số năm			120.000.000	868.977.000

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.18 : Sổ phụ khách hàng

Nhiệm vụ 2:

Ngày 28/12/2010, Nguyễn Thị Huyền nộp tiền vào tài khoản Công ty tại VP Bank HP, số tiền 130.000.000đ để thanh toán hợp đồng 81/19-12-2010, có giấy nộp tiền (biểu 2.19). Công ty nhận chi tiết hoạt động tài khoản (biểu 2.20), Giấy báo nợ chuyển tiền (biểu 2.21) và lệnh chuyển tiền (biểu 2.22) của Ngân hàng.

VP BANK	GIẤY NỘP TIỀN	Biên lai thu
Ngân hàng ngoài quốc doanh	Nộp để ghi vào tài khoản	giao cho người nộp tiền
	CASH DEPOSIT REQUIREMENT	Số(No) _____ (Cash collecting document for payer)
		Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Người nộp (Depositor): Nguyễn Thị Huyền

Địa chỉ (Address): 16 Trần Phú – HP

Người nhận (Beneficiary): Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải

126203000103

Địa chỉ (Address): VP Bank HP

Tài khoản (Acc) Có

Số (No)

NỘI DUNG NỘP (Content)	Số tiền (Amount)
(Khi nộp tiền phải ghi chi tiết từng khoản)/(List each amount in detail):	130.000.000 đ
Nộp tiền vào tài khoản Công ty	
Tổng số tiền bằng chữ: một trăm ba mươi triệu đồng chẵn. Cộng	130.000.000 đ
(Total amount in words) (Total)	

Người nộp tiền

Thủ quỹ

Sổ phụ

Kiểm soát

Giám đốc Ngân hàng

Biểu 2.19 : Giấy nộp tiền

VP BANK HP

HOẠT ĐỘNG TÀI KHOẢN

Mã số thuế : 0100233583-004

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Nguyên tệ : VND

Số tài khoản : 143006 / 126203000103

Tên tài khoản : 73681 / Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải

SCT	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số dư	Nội dung
TT0828104988		130.000.000	136.152.861	Nguyễn Thị Huyền nộp tiền TK
FT0828102395	131.991.856		4.161.005	Payment in Advance of sales contract no.71 cars DD 080929

Số dư đầu : 6.152.861

Phát sinh : 131.991.856 130.000.000

Số dư cuối : 4.161.005

Thanh toán viên

Biểu 2.20 : Hoạt động tài khoản

VP BANK – VP Bank Hải Phòng
MST : 0100233583-004

Số chứng từ: FT0828102395
Ngày 28 tháng 12 năm 2010

GIẤY BÁO NỢ CHUYỂN TIỀN

Mã khách hàng : 73681

Tên khách hàng: Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải

Địa chỉ : 33 Mê Linh, Lê Chân, Hải Phòng

MST : 0200741904

Số tài khoản : 143006

Nội dung : Thực hiện lệnh chuyển tiền

Chi tiết như sau:

Số tiền chuyển:	6.600 USD
Tỷ giá:	19.720
Quy đổi VND:	130.160.000 VND
Điện phí:	83.100 VND
Thuế VAT:	166.532 VND

Tổng cộng: 131.991.856 VND

(Một trăm ba mươi một triệu chín trăm chín mươi một nghìn tám trăm năm sáu đồng.)

Thực hiện:

Duyệt 1

Duyệt 2

BẢN GỐC DO VP BANK PHÁT HÀNH

(Người được uỷ quyền xác nhận)

Biểu 2.21 : Giấy báo nợ chuyển tiền

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỆNH CHUYỂN TIỀN (REMITTANCE ORDER)

Kính gửi: NGÂN HÀNG NGOÀI QUỐC DOANH VIỆT NAM (VPBANK)

Với trách nhiệm thuộc về phần mình, chúng tôi đề nghị Quý ngân hàng thực hiện chuyển tiền bằng điện theo nội dung sau đây:	
50K: Người ra lệnh (Ordering Customer): Marine engineering trade and service joint stock company. 33 Me Linh, Le Chan, Hai Phong	59: Người hưởng (Beneficiary) WINDOW & DOOR GEN.TRA.L.L.C ADD: P.O.BOX: 70287, SHARJAH – U.A.E Tài khoản số (Beneficiary's A/C No.) 0994590231
32: Số và loại ngoại tệ chuyển: (Currency and Amount): USD 6.600 Bằng chữ : Sáu ngàn sáu trăm đô la Mỹ chẵn. 70: Nội dung thanh toán (Payment Details): Payment In advance of Sales Contract No: 71 CARS dated 20081219	57: Ngân hàng của người thụ hưởng (Beneficiary's Bank): MASHREQ BANK U.A.E BRANCH: INDUSTRIAL AREA BRANCH SHARJAH SWIFT BIC (CODE)
71: Chi tiết phí Phí chuyển tiền trong nước: - Do chúng tôi chịu Phí chuyển tiền ngoài nước: - Do người hưởng chịu	56: Ngân hàng trung gian (Intermediary Institution) - nếu có SWIFT BIC (CODE): MSHQUS33

Nguồn ngoại tệ để thanh toán ra nước ngoài:

Ủy quyền cho Ngân hàng trích TK (VND) của chúng tôi số : 126203000103 mở tại VPBank để mua của VPB số tiền là : 6.600 USD

Chúng tôi cam kết việc chuyển tiền này tuân thủ đúng mọi quy định hiện hành về quản lý ngoại hối của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nếu vi phạm chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong trường hợp chuyển tiền trả trước, chúng tôi cam kết bổ sung bản sao bộ chứng từ nhận hàng và xuất trình Tờ khai hải quan gốc chậm nhất 10 ngày sau khi hoàn tất việc nhận hàng để Ngân hàng kiểm tra.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TÀI KHOẢN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức danh, họ tên)

Phần dành cho Ngân hàng:

Xác nhận hồ sơ hợp lệ

Hải phòng, ngày 28 tháng 12 năm 2010

Các phí phải thu:

Giám đốc chi nhánh

+ Phí thanh toán: 104.72USD

+ Điện phí: 5.50USD

Biểu 2.22 : Lệnh chuyển tiền

Nghiệp vụ 3:

Ngày 28/12/2010, Ngân hàng VP Bank thu lãi tiền vay vốn và gửi cho Công ty phiếu tính lãi tiền vay (biểu 2.23) và chi tiết hoạt động tài khoản (biểu 2.24)

NGÂN HÀNG NGOÀI QUỐC DOANH

Chi nhánh: VP Bank HP

Mã chi nhánh: VN0010103

Mã số thuế:

Mã nhân viên: 1184

PHIẾU TÍNH LÃI TIỀN VAY

Từ ngày 28/11/2008 đến hết ngày 27/12/2010

Khách hàng: 73681 Maritime engineering trade and service joint stock compan

Địa chỉ: 33 Me Linh, Le chan, Hai phong

Loại tiền vay: VNĐ

Số hợp đồng: LD0734800146

Số tài khoản: 143006

Số tham chiếu: 103 M0070022/05

Từ ngày	Đến ngày	Số dư	Số ngày	Lãi (%năm)	Tiền lãi	Tiền phí
28/11/2008	29/11/2010	1.000.000.000	2	21	1.166.667	0
30/11/2008	13/12/2010	1.000.000.000	14	21	8.166.667	0
14/12/2008	26/12/2010	1.000.000.000	13	21	7.583.333	0
27/12/2008	27/12/2010	1.000.000.000	1	21	583.333	0

Tổng cộng: 17.500.000

Bằng chữ: Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM SOÁT

Biểu 2.23 : Phiếu tính lãi tiền vay

VP BANK HP

HOẠT ĐỘNG TÀI KHOẢN

Mã số thuế : 0100233583-004

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Nguyên tệ : VND

Số tài khoản : 143006 / 126203000103

Tên tài khoản : 73681 / Công ty CPTM & DV kỹ nghệ Hàng Hải

SCT	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số dư	Nội dung
LD0734800146	17.500.000		5.945.892	Thanh toán lãi
Số dư đầu :	23.445.892			
Phát sinh :	17.500.000	0		
Số dư cuối :	5.945.892			

Thanh toán viên

Biểu 2.24 : Hoạt động tài khoản

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tài khoản 112T - Tiền gửi Ngân hàng Techcombank

Số hiệu tài khoản tại Ngân hàng: 1092047690701-2

(Trích tháng 12 năm 2010)

DVT: VNĐ

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	SỐ TIỀN		
Số hiệu	Ngày tháng			Gửi vào	Rút ra	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7
		Dư đầu năm				0
		Dư đầu tháng 12				12.056.493
042T	01/12	DNTN Đức Tấn ứng trước	338	511.570.000		523.626.493
043T	01/12	Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt	111		350.000.000	173.626.493
044T	01/12	CT containerr phía Nam: - Trả tiền hàng - VAT đầu ra	511 3331	50.454.545 5.045.455		229.126.943
...
060T	31/12	Thu sửa chữa tàu Baican	131	200.000.000		279.445.155
061T	31/12	Thanh toán nợ	331		217.658.000	61.787.155
062T	31/12	Ngân hàng trả lãi số dư trên TK tháng 12	5154	674.515		62.461.670
		Phát sinh T12		3.004.658.177	2.954.253.000	
		Luỹ kế PS từ đầu năm		18.568.150.496	18.505.688.826	
		Dư cuối kỳ				62.461.670

Biểu 2.25 : Trích sổ tiền gửi Ngân hàng Techcombank tháng 12/2010

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tài khoản 112V - Tiền gửi Ngân hàng VP Bank
Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 126203000103 - VNĐ
(Trích tháng 12 năm 2010)

DVT: VNĐ

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	SỐ TIỀN		
Số hiệu	Ngày tháng			Gửi vào	Rút ra	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7
		Dư đầu năm				<u>2.503.071</u>
		Dư đầu tháng 12				15.567.112
035V	02/12	Nộp tiền vào tài khoản	111	650.000.000		665.567.112
036V	04/12	Trả tiền hàng 03/TN-AR 2010 DD080920 - VAT	156 133		327.569.853 32.756.985	305.240.274
...
051V	28/12	Nguyễn Thị Huyền nộp tiền vào TK	111	130.000.000		403.704.856
	28/12	Thanh toán hợp đồng 71/19-12-2008 - Phí chuyển tiền - Điện phí - Thuế VAT	331 641 641 133		130.160.000 1.582.224 83.100 166.532	271.713.000
052V	28/12	Ngân hàng thu lãi tiền vay vốn	635		17.500.000	254.213.000
		Phát sinh T12		956.752.086	718.106.198	
		Luỹ kế PS từ đầu năm		15.690.107.998	15.438.398.069	
		Dư cuối kỳ				254.213.000

Biểu 2.26 : Trích sổ tiền gửi Ngân hàng VP Bank (VNĐ) tháng 12/2010

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tài khoản 112V - Tiền gửi Ngân hàng Viettin Bank
Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 102010001281365 - VNĐ
(Trích tháng 12 năm 2010)

DVT: VNĐ

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	SỐ TIỀN		
Số hiệu	Ngày tháng			Gửi vào	Rút ra	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7
		Dư đầu năm				1.502.000
		Dư đầu tháng 12				<u>1.286.400</u>
035V	02/12	NH trả lãi số dư	5154	2.700		1.289.100
036V	04/12	NH thu phí nhắn tin báo số dư TK	6425		20.000	1.269.100
		Phát sinh T12		2.700	20.000	
		Luỹ kế PS từ đầu năm		2.025.383.000	2.024.113.900	
		Dư cuối kỳ				1.269.100

Biểu 2.27 : Trích sổ tiền gửi Ngân hàng VIETIN BANK (VNĐ) tháng 12/2010

Căn cứ vào các sổ chi tiết tiền gửi theo từng Ngân hàng kế toán vào sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi Ngân hàng (biểu 2.28)

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tháng 12 năm 2010

ĐVT: Đồng

STT	Tên Ngân hàng	Mã NH	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Techcombank	112T	12.056.493		3.004.658.177	2.954.253.000	62.461.670	
2	VP Bank HP	112V	15.567.112	1.286.400	956.752.086	718.106.198	254.213.000	
3	Viettin Bank	112C	1.286.400		2.700	20.000	1.269.100	
	Tổng cộng		28.910.005		3.961.412.963	3.672.379.198	317.943.770	

Biểu 2.28 : Sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi Ngân hàng

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI

NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 12 năm 2010

DVT : Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	ĐG SC	STT đồng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	1	2
			Số trang trước chuyển sang					17.819.437.847	17.819.437.847
01/12	042T	01/12	DNTN Đức Tân ứng trước tiền hàng	x		112T		511.570.000	
				x			338		511.570.000
01/12	043T	01/12	Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt	x		111		350.000.000	
				x			112T		50.000.000
01/12	044T	01/12	Thu tiền hàng của CTy Contairnerr phía Nam	x		112T		55.500.000	
			- Tiền hàng	x			511		50.454.545
			- VAT đầu ra	x			3331		5.045.455
...
28/12	051V	28/12	Nguyễn Thị Huyền nộp tiền vào TK	x x		112V	111	130.000.000	130.000.000
28/12		28/12	Thanh toán hợp đồng 71/19-12-2008	x x x x		331 641 641 133	112V	130.160.000 1.582.224 83.100 166.532	131.991.856
28/12	052V	28/12	Ngân hàng thu lãi tiền vay vốn	x x		635	112V	17.500.000	17.500.000
...
			Cộng PS tháng 12					12.760.710.947	12.760.710.947
			Lũy kế PS					30.580.148.794	30.80.148.794

Biểu 2.29: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI

SỔ CÁI

Tài khoản : 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Trích tháng 12 năm 2010

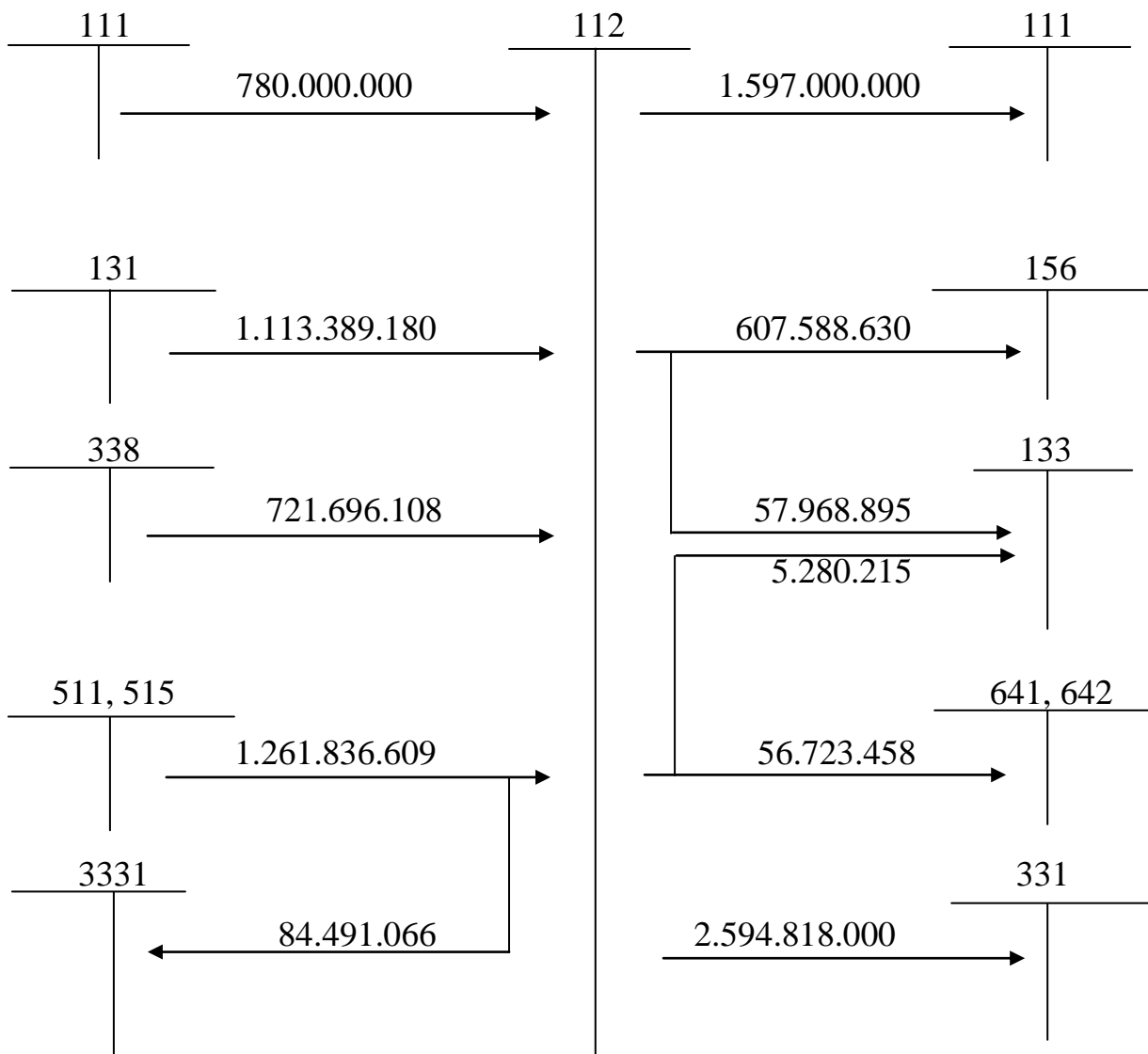
ĐVT : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng 1</u>				<u>3.555.071</u>	
			<u>Số dư đầu tháng 12</u>				28.910.005	
01/12	042T	01/12	DNTN Đức Tấn ứng trước tiền hàng			338	511.570.000	
01/12	043T	01/12	Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt			111		350.000.000
01/12	044T	01/12	CT Containerr phía nam ứng trước tiền sửa chữa tàu:					
			- Tiền hàng			511		50.454.545
			- VAT đầu ra			3331		5.045.455
...
28/12	051V	28/12	Nguyễn Thị Huyền nộp tiền vào TK			111	130.000.000	
28/12		28/12	Thanh toán hợp đồng 71/19-12-2008			331		130.160.000
			Phí chuyển tiền			641		1.582.224
			Điện phí			641		83.100
			VAT			133		166.532
28/12	052V	28/12	Ngân hàng thu lãi tiền vay vốn			635		17.500.000
...
			Cộng phát sinh T12				3.961.412.963	3.672.379.198
			Luỹ kế số phát sinh				34.258.258.494	33.944.086.895
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				<u>317.943.770</u>	

Biểu 2.30 : Sổ cái tiền gửi Ngân hàng

2.2.2.2. Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân hàng tại Công ty :

Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân hàng tháng 12/2010 tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.7) :



Sơ đồ 2.7. Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân hàng tháng 12/2010

2.2.3. Kế toán tiền đang chuyển tại Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải

Tại Công ty không phát sinh nghiệp vụ này.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI

3.1. Đánh giá chung về tình hình tổ chức quản lý SXKD, tổ chức kế toán và công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải.

Sau hơn 4 năm kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh thương mại đến nay, Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải tuy là một doanh nghiệp trẻ nhưng trong quá trình phát triển lãnh đạo công ty đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng đa dạng dịch vụ, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Để có được kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý rất khoa học và chặt chẽ, lựa chọn cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn thiếu thốn về mọi mặt nhưng với sự năng động sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, Công ty đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Đó là kết quả của quá trình phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn Công ty, kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh về trình độ quản lý của đội ngũ lãnh đạo Công ty. Trong quá trình kinh doanh của mình, Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên.

Công tác quản lý và kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng cũng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty. Bởi chỉ có quản lý tốt thì kinh doanh mới tốt, công tác kế toán tốt thì thông tin kế toán mới đảm bảo được cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ cho quản trị nội bộ cũng như làm cơ sở để đưa ra những chiến lược kinh doanh tối ưu.

Chính nhờ sự nỗ lực và học hỏi không ngừng đó khiến cho Công ty ngày một làm ăn có hiệu quả, uy tín của Công ty ngày được nâng cao, hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện và đóng góp một phần vào ngân sách Nhà nước.

Qua thời gian tìm hiểu và tiếp cận thực tế về công tác kế toán, được sự quan tâm giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong Công ty và với những kiến thức tiếp thu được ở trường, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1. Những ưu điểm:

➤ Về công tác quản lý:

Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa và nhỏ, Công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức một cách hợp lý, khoa học và hoạt động có nề nếp, phù hợp với loại hình và quy mô của doanh nghiệp. Đồng thời có những biện pháp quản lý một cách chặt chẽ công việc ở tất cả các khâu, từng bộ phận trong Công ty một cách nhịp nhàng và có hiệu quả.

Bên cạnh đó, Công ty cũng bổ sung các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động.

➤ Về công tác kế toán:

Trong điều kiện cơ chế quản lý mới, cũng như điều kiện quản lý kinh doanh thực tế của mình, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ và hoàn chỉnh theo mô hình kế toán tập trung. Đây là mô hình mà việc hạch toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Mô hình này không những tạo điều kiện thuận lợi cho ban giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính để có thể đưa ra những quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời, mà còn tạo

điều kiện cho công tác phân công lao động, chuyên môn hoá theo các phần hành kế toán, nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán.

Các phần hành kế toán được phân công tương đối rõ ràng và khoa học cho từng kế toán viên, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phần hành với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, ghi chép. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, phát hiện kịp thời những sai sót. Giúp ban lãnh đạo đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kỳ, qua đó xây dựng được kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Đội ngũ cán bộ và nhân viên kế toán trong công ty có trình độ nghiệp vụ, nắm vững và am hiểu các chế định kế toán, nhiệt tình yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao do thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, số liệu luôn chính xác.

Về hình thức sổ kế toán: Hiện nay, Công ty Cổ Phần Thương mại và dịch vụ kỹ nghệ Hàng Hải đang áp dụng hình thức nhật ký chung, hình thức này khá đơn giản về quy trình hạch toán và phù hợp với quy mô và điều kiện công tác kế toán tại công ty.

Với việc tổ chức bộ máy kế toán hợp lý và lựa chọn hình thức sổ kế toán phù hợp đã góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả của công tác kế toán cũng như công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty. Về điều kiện làm việc, Công ty đã đầu tư, trang bị cho bộ phận kế toán những trang thiết bị hiện đại. Mỗi kế toán viên đều được trang bị một máy vi tính riêng để mỗi người có thể hoàn thành công việc mình được giao một cách nhanh chóng và khoa học.

➤ Về tổ chức kế toán vốn bằng tiền:

Như đã phân tích ở những phần trước, trong công tác hạch toán kế toán tại Công ty thì hạch toán vốn bằng tiền là một khâu vô cùng quan trọng. Nhờ nhận

thức rõ điều này, Công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền.

Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được đảm bảo tính an toàn cao. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính liên tục và chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hoá tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến tình trạng biến động của vốn bằng tiền.

Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành và đã được chi tiết cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó đã cho phép ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

Công ty tiến hành quản lý một cách chặt chẽ tiền mặt tại quỹ, thường xuyên kiểm tra tài khoản tại ngân hàng, Công tác hạch toán vốn bằng tiền được thông tin kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thu, chi tại quỹ. Vào sổ sách theo đúng trình tự các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu quy định của bộ tài chính ban hành.

Đối với tiền gửi Ngân hàng, kế toán liên hệ thường xuyên và có quan hệ tốt với ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với Ngân hàng. Công ty cũng mở sổ theo dõi chi tiết tình hình biến động về tiền gửi theo từng Ngân hàng, mỗi ngân hàng có một sổ theo dõi riêng khiến cho việc kiểm tra đối chiếu và quản lý dễ dàng và thuận tiện.

3.1.2. Những hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm thì công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty vẫn tồn tại một số nhược điểm sau:

➤ Hạn chế 1:

Hiện nay Công ty ngày càng có nhiều đối tác làm ăn lớn có rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh về tiền mặt cũng như tiền gửi Ngân hàng. Việc tập

trung ghi toàn bộ vào nhật ký chung và sổ chi tiết mà chưa mở các sổ nhật ký đặc biệt như: Nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền... chưa thực sự là phương án tối ưu vì điều này sẽ khiến cho sổ nhật ký chung dày đặc, không tiện trong việc theo dõi các khoản thu chi trong kỳ kế toán.

➤ Hạng chế 2:

Trên thực tế Công ty chưa thường xuyên tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ quỹ gặp khó khăn. Như vậy sẽ dễ xảy ra tình trạng lạm dụng quỹ. Do đó Công ty phải tiến hành việc kiểm kê quỹ hàng tháng, cuối ngày thủ quỹ phải báo cáo cho giám đốc để hạn chế tiêu cực.

➤ Hạng chế 3:

Công ty chưa tận dụng hết hình thức thanh toán bằng tiền gửi Ngân hàng, vẫn còn thường xuyên thanh toán những khoản tiền mặt quá lớn, chưa đảm bảo chế độ. Việc thanh toán tiền hàng bằng những khoản tiền lớn sẽ không an toàn cho quỹ tiền mặt và không kinh tế. Trong khi đó để tồn quỹ tiền mặt nhiều sẽ nguy hiểm cho Doanh nghiệp và cho cả thủ quỹ. Doanh nghiệp nên nộp tiền mặt vào ngân hàng, định mức 1 số tiền nhất định tồn quỹ vừa có lãi suất, vừa an toàn, trách tiêu cực.

➤ Hạng chế 4:

Hiện nay, Công ty không ngừng đẩy mạnh mối quan hệ không chỉ với các tổ chức trong nước mà cả với các tổ chức quốc tế. Do đó yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ rất quan trọng. Trong khi đó công ty chưa sử dụng tài khoản 112.2: “Tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ”-dùng để phản ánh tình hình tăng giảm ngoại tệ của đơn vị tại Ngân hàng cũng như không đăng ký sử dụng TK 111.2 “Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ”. Điều này đã gây nên không ít những khó khăn. Giả sử khi khách hàng đến thanh toán bằng ngoại tệ hoặc chuyển khoản qua Ngân hàng bằng ngoại tệ thì đơn vị lại chưa thể nhập quỹ cũng như

chuyển vào TK ngân hàng được nhanh chóng mà phải đổi sang đồng Việt Nam rất mất thời gian.

➤ Hạng chế 5:

Doanh nghiệp có giao dịch thương mại với các Công ty nước ngoài nên khi thanh toán với họ có thể chưa nhận được giấy báo của Ngân hàng hay tiền vẫn đang chuyển trên đường chưa về đến doanh nghiệp hay các doanh nghiệp nước ngoài. Nhưng Công ty không sử dụng tài khoản 113 - Tiền đang chuyển. Do đó việc phản ánh vốn s ẽ không chính xác. Đây là một hạn chế cần khắc phục của Công ty.

➤ Hạng chế 6:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu và chi tiền trong kỳ của doanh nghiệp theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Thông qua nó chủ doanh nghiệp có thể dự đoán được lượng tiền mang lại từ các hoạt động trong tương lai. Nhà quản lý cũng có thể thấy trước được khả năng thanh toán trong kỳ hoạt động tới... Vì sự quan trọng đó mà hầu hết các doanh nghiệp đều lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Nhưng cho đến nay Công ty Cổ Phần Thương mại và dịch vụ Hàng Hải vẫn chưa sử dụng vai trò của báo cáo này.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng hải

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Như chúng ta đã biết: Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì yêu cầu sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển. Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược phát triển tốt, không ngừng nâng cao hiệu quả đồng vốn là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vốn bằng tiền tại Công ty nói riêng và các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế nói chung đều chiếm một tỷ trọng lớn trong vốn kinh doanh. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh mà còn phải hạn chế những tồn tại để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

3.2.2 Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện

Đối với doanh nghiệp, yếu tố thị trường và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Do vậy cần phải thấy được những đặc trưng của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán để tìm ra các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ theo các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời chính xác.
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả

Với mong muốn được đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công việc hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền, làm cho kế toán thực sự trở thành công cụ quản lý kinh tế có hiệu lực, sau một thời gian tìm hiểu về các phần hành kế toán nói chung và đi sâu vào nghiên cứu tình hình thực tế về tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Kỹ nghệ Hàng Hải.

3.2.3. Các kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải

3.2.3.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ sách

Công ty nên mở thêm các sổ nhật ký đặc biệt cụ thể là sổ nhật ký thu tiền và nhật ký chi tiền (mở riêng cho thu, chi tiền mặt và thu, chi tiền qua Ngân hàng cho từng loại tiền hoặc cho từng ngân hàng) để việc quản lý tiền được chặt chẽ và chính xác hơn, thuận tiện trong việc kiểm tra lượng tiền thu, chi trong kỳ hay muốn kiểm tra theo dõi vào một thời điểm bất kỳ.

Theo nguyên tắc các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật ký chung nhưng với biện pháp này những nghiệp vụ đã được ghi trong sổ nhật ký đặc biệt sẽ không cần ghi vào nhật ký chung nữa mà cuối tháng kế toán sẽ tổng hợp từ nhật ký đặc biệt ghi một lần vào sổ cái.

Sau đây là mẫu sổ nhật ký đặc biệt nên dùng:

- Sổ Nhật ký thu tiền (Mẫu số 03a1-DN) (biểu 3.1)
- Sổ Nhật ký chi tiền (Mẫu số S03a2-DN) (biểu 3.2)

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ
NGHỆ HÀNG HẢI

Địa chỉ: số 33 Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng

Mẫu số: S03a1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm:

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK...	Ghi có TK			
	Số hiệu	Ngày tháng			Tài khoản khác	
							Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	E
			Số trang trước chuyển sang					
			Cộng chuyển sang trang sau					

- Sổ này có ... trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 3.1 : Nhật ký thu tiền

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ

Mẫu số: S03a2-DN

NGHỆ HÀNG HẢI

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: số 33 Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm:

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK...	Ghi nợ TK			
	Số hiệu	Ngày tháng			Tài khoản khác	
							Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	E
			Số trang trước chuyển sang					
			Cộng chuyển sang trang sau					

- Sổ này có ... trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 3.2 : Nhật ký chi tiền

3.2.3.2. Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ:

Để có thể xác định được bằng tiền VND tồn quỹ thực tế và số thừa thiếu so với sổ quỹ trên cơ sở đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch, doanh nghiệp cần tiến hành việc kiểm kê quỹ cho từng loại tiền trong quỹ của doanh nghiệp. Khi tiến hành kiểm kê quỹ phải lập ban kiểm kê trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi khoản chênh lệch quỹ đều phải báo cáo Giám đốc xem xét giải quyết.

Việc kiểm kê quỹ được tiến hành định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Biên bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê. Biên bản kiểm kê quỹ (biểu 3.3) bao gồm hai bản:

- Một bản lưu ở quỹ
- Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ

Mẫu số: 08a-TT

NGHỆ HÀNG HẢI

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: số 33 Mê Linh-Lê Chân-Hải Phòng

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính)

BẢN KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho Việt Nam đồng)

Số:.....

Hôm nay, vào ... giờ... ngày... tháng... năm...

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà:.....đại diện kế toán

- Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ

- Ông/Bà:.....đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ		
II	Số kiểm kê thực tế		
1	Trong đó: - Loại		
2	- Loại		
3		
III	Chênh lệch (III = I – II)		

Lý do: + Thừa:.....

+ Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ.....

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 3.3. Bản kiểm kê quỹ dùng cho VND

3.2.3.3. Hoàn thiện việc hạn chế chi tiêu tiền mặt, tăng chi tiêu tiền gửi NH

Với xu hướng chung hiện nay là đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, những khoản tiền lớn doanh nghiệp nên thanh toán qua hệ thống Ngân hàng. Bởi lẽ hiện nay hệ thống ngân hàng rất phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ các ngân hàng Nhà nước mà hệ thống các ngân hàng tư nhân cũng ngày càng nhiều với những dịch vụ tiện ích. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng diễn ra nhanh chóng và thuận tiện. Hơn nữa thanh toán qua ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển hạn chế tiêu cực xảy ra trong quá trình thanh toán như sai sót, gian lận, trộm cắp,...

3.2.3.4. Hoàn thiện việc đưa các tài khoản ngoại tệ vào hạch toán :

Hiện nay Công ty có phát sinh hoạt động giao dịch với bạn hàng nước ngoài do đó nhu cầu sử dụng ngoại tệ trong thanh toán ngày càng tăng, việc đưa các tài khoản vốn bằng tiền là ngoại tệ vào hạch toán là rất cần thiết. Vì vậy theo em doanh nghiệp nên đăng ký sử dụng thêm tài khoản 111.2 “Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ” và 112.2 “Tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ” để phục vụ cho việc thanh toán được nhanh chóng và thuận tiện hơn.

3.2.3.5. Hoàn thiện việc đưa tài khoản 113 – tiền đang chuyển vào hạch toán

Hiện nay Công ty không sử dụng tài khoản 113-Tiền đang chuyển để hạch toán. Đây là số tiền của doanh nghiệp trong quá trình xử lý như chuyển tiền đang gửi vào Ngân hàng, kho bạc, chuyển trả cho khách hàng qua đường bưu điện (trong nước hoặc nước ngoài) nhưng chưa nhận được giấy báo có, đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng. Thường thì doanh nghiệp không dùng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn thành rồi hạch toán vì thường tiền chuyển qua Ngân hàng sẽ chỉ phải chờ một vài ngày là người thụ hưởng sẽ nhận được tiền. Nhưng nó sẽ ảnh hưởng nếu như rơi vào cuối kỳ kế toán hàng tháng hay năm. Trường hợp cuối tháng lên báo cáo tài chính mà có phát sinh tiền khách hàng đã chuyển (nhưng chưa tới, sẽ nhận được vào ngày đầu

tháng sau). Nếu nghiệp vụ này không sử dụng 113 thì số dư công nợ cuối năm trên báo cáo tài chính không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán. Vì vậy Công ty nên đưa TK này hạch toán vốn bằng tiền để đảm bảo tính chính xác, cập nhật về tiền.

3.2.3.6. Chuyển sang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 48/2006:

Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải là một doanh nghiệp nhỏ với số vốn điều lệ chỉ có 1 tỷ (Theo quy định doanh nghiệp vừa và nhỏ có số vốn dưới 10 tỷ đồng và số lượng lao động dưới 300 người), công ty kinh doanh dịch vụ về vận tải, việc kinh doanh với bộ máy quản lý không phức tạp, các khâu đều gọn nhẹ nhằm tiết kiệm chi phí. Vì vậy công ty cũng sử dụng số lượng tài khoản đơn giản. Hiện nay công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 15/2006. Tuy nhiên xuất phát từ thực tế kinh doanh của công ty hiện nay, công ty nên xem xét đến việc chuyển sang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 48/2006 do Bộ tài chính ban hành ngày 14/9/2006. Khi chuyển sang chế độ kế toán theo QĐ 48/2006, công ty có thể:

- Hợp lý hệ thống tài khoản: Quyết định 48 gồm 51 tài khoản cấp 1 và 5 tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán (Quyết định 15 có 86 tài khoản cấp 1 và 6 tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán). Do số lượng tài khoản kế toán ít hơn nên kết cấu và nội dung phản ánh của nhiều tài khoản theo Quyết định 48 phức tạp hơn so với các tài khoản tương tự của Quyết định 15. Ví dụ: Tài khoản 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, tài khoản 211- Tài sản cố định, tài khoản 221- Đầu tư tài chính dài hạn, tài khoản 341- Vay, nợ dài hạn, tài khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu, tài khoản, 642- Chi phí quản lý kinh doanh,...

- Hợp lý việc ghi chép và phản ánh số liệu: Hệ thống tài khoản phù hợp với công tác hạch toán hơn và thuận lợi hơn cho việc ghi chép và phản ánh số liệu các tài khoản.

- Hợp lý trong việc lập báo tài chính:

- Báo cáo tài chính bắt buộc phải lập:

- Bảng cân đối kế toán

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Phụ biểu – Bảng cân đối tài khoản

➤ Báo cáo tài chính khuyến khích lập:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

3.2.3.7. Hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán:

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ giành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, cung cấp dịch vụ, công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm dịch vụ của công ty đa dạng. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT – BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.
- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa
- Phần mềm SAS-INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam.

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào.

Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết (sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

3.2.3.8. Hoàn thiện tổ chức lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính là nguồn thông tin quan trọng nó cung cấp thông tin về tài sản, nguồn vốn và tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ. Dựa vào BCTC các nhà quản lý đưa ra được những chiến lược phát triển Công ty trong kỳ kinh doanh tiếp theo. Hiện nay trong hệ thống BCTC của Công ty còn thiếu một báo cáo là báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính phản ánh việc hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Thông tin phản ánh trong bảng cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin có cơ sở để đánh giá khả năng tạo ra tiền và việc sử dụng những khoản tiền đã tạo ra trong các hoạt động của doanh nghiệp. Nó có tác dụng quan trọng trong việc phân tích, đánh giá, dự báo khả năng tạo ra tiền, khả năng đầu tư, khả năng thanh toán,... Vì vậy, theo em Công ty nên tiến hành lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ nhằm giúp cho ban quản lý Công ty có được các quyết định một cách nhanh chóng và chính xác đồng thời giúp các nhà đầu tư và những ai có nhu cầu sử dụng thông tin có những hiểu biết nhất định đối với hoạt động của doanh nghiệp.

Sau đây là mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN) theo 2 phương pháp trực tiếp (biểu 3.4) và gián tiếp (biểu 3.5) :

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 03 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Năm....

Đơn vị tính:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02			
3. Tiền chi trả cho người lao động	03			
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VII.34		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày ... tháng ... năm ...
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) (*)

Năm.....

Đơn vị tính:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01			
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02			
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			
- Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08			
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09			
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11			
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12			
- Tiền lãi vay đã trả	13			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31		

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp

KẾT LUẬN

Việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có ảnh hưởng tới việc phát triển hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền đã trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mọi doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý thì việc hạch toán kế toán vốn bằng tiền đòi hỏi cũng phải được kiện toàn, hoàn thiện trong các doanh nghiệp. Khóa luận: “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải” đã đề cập đến những vấn đề cơ bản sau:

➤ Về mặt lý luận: Đưa ra và hệ thống những vấn đề chung nhất về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp.

➤ Về mặt thực tiễn: Phản ánh khá đầy đủ trung thực về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải với tình hình số liệu chứng minh là năm 2010. Đồng thời khóa luận cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn khóa luận đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền trên các mặt.

Qua thời gian thực tập tại Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải, em đã được tìm hiểu thực tế về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Công ty và đặc biệt là phòng tài chính kế toán đã tạo điều kiện để em có thể nghiên cứu, tiếp cận thực tế, bổ sung những kiến thức đã học ở trường từ đó đối chiếu lý luận với thực tiễn.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể các cô chú trong phòng kế toán và đặc biệt là thầy giáo - Tiến sĩ Nguyễn Văn Tĩnh đã tạo điều kiện giúp đỡ để em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 10 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Vũ Thị Kim Phụng

Danh mục tài liệu tham khảo

- 1- **Giáo trình Kế toán tài chính** – TS Võ Văn Nhi, Th.S Trần Thị Duyên, Th.S Nguyễn Thị Ngọc Dung – NXB Thống kê.
- 2- **162 Sơ đồ kế toán doanh nghiệp** – Th.S Hà Thị Ngọc Hà, CN Vũ Đức Chính – NXB Thống kê.
- 3- Các sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ, các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm soát, điều lệ và tài liệu phân tích hoạt động kinh tế của Công ty Cổ Phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng Hải.
- 4- Khoá luận tốt nghiệp của các khoá trước
- 5- **Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp theo chế độ kế toán mới hiện hành** – TS Võ Văn Nhi .
- 6- **Hướng dẫn hạch toán kế toán báo cáo tài chính doanh nghiệp** – TS Võ Văn Nhi .
- 7- **Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán** (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)
- 8- **Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2: Báo Cáo Tài Chính, Chứng Từ và Ghi sổ kế toán, Sơ đồ kế toán** (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)